

# LẬP TRƯỜNG

TUẦN BÁO CHÍNH TRỊ - VĂN HÓA - XÃ HỘI

Chủ nhiệm: TÔN THẬT HANH Chủ bút: LÊ TUYẾN Tổng thư ký Tòa soạn: CAO HUY THUẬN

Thứ Bảy : 23-5-1964

Trong số này :

- THƯ VỀ HUẾ của Thượng-Tọa Trí-Quang
- ĐẠO PHẬT VÀ TINH THẦN DÂN CHỦ
- PHẬT GIÁO VỚI DÂN TỘC
- VINH NHỤC GIỮA HAI MÙA TRẮNG
- XẢO NGÔN VÀ TÀ THUẬT
- PICASSO
- SUỐI LỒ Ồ!
- NGÔN NGỮ NHẬT LINH
- HUẾ 4
- ĐẾN TRỜI CŨNG NHẢM MẮT (truyện ngắn)
- SÂM THƯƠNG (truyện dài)

**PHẬT ĐÀN 2508 :** Phật tử toàn quốc và nhân dân đang kính mừng lễ Đản Sinh của Đức Thích Ca Mâu-Ni. Trên cương vị công dân Lập Trường cũng phát hành một số kỷ niệm.

Đây không phải là lần đầu tiên trong lịch sử Phật giáo Việt Nam mà dân tộc cử hành ngày Phật-Đản trọng thể như vậy. Phật giáo đã từng liên kết số mệnh với dân tộc từ bao nhiêu thế kỷ nay; đã thăng trầm cùng với quốc gia; đã chia xẻ sự sống với giang sơn này từ khi còn là châu quận của Trung-Hoa cho đến các triều đại đầu tiên Đinh Lê Lý Trần khi tổ quốc đã dành lại chủ quyền độc lập. Phật-giáo đã từng là quốc giáo. Nhưng với tinh thần vị tha của mình, trong lịch sử hoàng dương, Phật giáo đã chấp nhận một cách bình đẳng sự hiện diện của những nguồn tư tưởng khác. Tự do tín ngưỡng đã trở thành một căn bản sâu xa của Phật tử, vì cái bản chất Tự Giác không cho phép người Phật-tử xâm phạm đến tha-nhân. Giác Tha vì thế chỉ thực hiện trong tinh thần Tự Giác, cho nên Phật giáo không mang đặc tính truyền bá của bề rộng, mà chính đặt căn bản trong tất cả cảm nhận của bề sâu. Tinh thần ấy đi từ cái thường nhật để đạt đến Vô Thường, đi từ hiện hữu chấp ngã nhất để đạt đến vô ngã đi từ khổ đau để diệt khổ trong một sự chấp khổ như một lẽ đương nhiên. Thế giới do đây không phải là một sự thế bi quan như người ta đã nhầm tưởng. Mà chính từ cái thực trạng của thế-giới, tìm đạt đến lẽ tương quan của thế-giới, để suy nghiệm về căn do hiện hữu của thế-giới. Rồi từ căn do đó, tìm cách vượt thoát căn do. Cho nên Phật giáo không chuộng những tín điều, mà tín điều chỉ là những căn bản để phát huy Phật tính nơi mỗi người Phật tử. Vì thế người Phật tử không cõ chấp mà sống với tinh thần vị tha của công đức Hi Xã Từ Bi. Đi sâu vào lòng dân tộc, chúng ta đều bắt gặp tinh thần ấy nơi mỗi một người Việt Nam. Lịch sử dân tộc, văn hóa dân tộc đã chứng minh điều đó. Công đức của Phật giáo chính là đào luyện cá tính ấy của dân tộc. Và ngày Phật đản chính là cơ hội để suy ngẫm và phát huy cá tính ấy của người dân trong hoàn cảnh khó khăn này của đất nước.

LẬP TRƯỜNG

ỒI ! PHẬT ĐÀN 2507



Quản-ly : NGUYỄN-THỊ-TRANG  
Tòa-soạn: 17-B Lý-Thường-Kiệt—HUẾ  
Hộp thư : 54

## SỐ KỶ NIỆM LỄ PHẬT ĐẢN 2508



## THƯ' VỀ HUẾ

**H**UẾ đã là nơi tôi học Phật và phục-vụ Ngài. Trong quá khứ, tôi liên hệ với Huế chỉ có thể. Ngày nay khác. Huế đã là nơi, cách nay một năm đúng, tôi cùng Phật tử nói lên tiếng nói đầu tiên để bảo vệ lá cờ của Chính-pháp, vận động chấm dứt chính sách bất công trong tín ngưỡng. Tiếng « thầy » được kêu lên trong khi chết chóc, trong cơn điên loạn, trong những ngày Tù-Đàm bị bao vây như bao vây và tàn công một chiến khu, tiếng « thầy » được gọi lên trong nước mắt và máu, tiếng « thầy » đó tôi biết Phật tử Huế đã dành cho tôi. Chúng ta cũng tưởng sau đó thì đời sống êm đềm đạo vị mà chúng ta khao khát, chúng ta đã có thể có được. Ai ngờ sự vận động để cải thiện chính sách thực đã không đơn giản như chúng ta tưởng. Đạo chính quá dễ nhưng cách mệnh quá khó. Hóa nên đời sống hiện tại của chúng ta và của tín ngưỡng chúng ta gần như vẫn ám mộng giống quá khứ và chưa chùng mà tiếp tục cả đèn tương lai. Do đó mà Phật đàn 2.508 vẫn gọi lại Phật đàn 2.507, với một số vấn đề liên hệ hoàn toàn đến « ý thức Phật tử ». Và nếu phải chọn lựa một lúc nào đó để nhận định và nói lên ý thức ấy, thì cái lúc ấy chính là Phật đàn năm nay đây.

Nỗ lực và nỗ lực một cách liên tục để chấm cho dứt những chính sách không phù hợp với sự sinh tồn của Dân tộc và Phật giáo, phát triển Phật giáo bằng sự thực hiện của bản thân mà không bằng cách làm thương tổn các tôn giáo khác, càng nêu cao đức tính Từ Bi bao nhiêu thì lại càng thực hiện đức tính Vô Úy bấy nhiêu : đó là « ý thức Phật tử », đơn giản vô cùng nhưng khó khăn vô tận. Cộng thêm với ý thức này, Phật tử Huế phải biết đến sự khó khăn mà đạo pháp đang chịu đựng và đương đầu, phải biết bình tĩnh nhưng cảnh giác đối với những âm mưu phá hoại bằng nhiều hình thức, thực hiện bởi nhiều cách thức, đã có và sẽ còn có nữa. Phật tử Huế phải biết rằng mình phải làm cho đạo mình « khác » đạo kẻ khác, chứ không phải làm cho đạo của mình « hơn » đạo kẻ khác—« khác » ở chỗ nêu cao và thể hiện cho được sự khoan hồng và độ lượng của đức tính Từ Bi, đâu phải thiệt thòi đèn cao độ.

Phật tử Huế phải tự mình nói lên cái « ý thức Phật tử » trên đây. Phật tử Huế hãy làm sáng tỏ cái « ý thức Phật tử » mà hiện thời thế giới đang nghĩ một cách rất đúng, rằng muốn hiểu một cách chính xác về ý thức ấy thì hãy nhìn vào Phật-tử Huế.

Chính đó là nghĩa vụ tiên phong mà Phật tử Huế có thể làm như đã làm trong cuộc vận động vừa qua. Và bằng cách đó mà hiện cùng đức Phật trong ngày kỷ-niệm lần thứ 2.508 của Ngài, thì thực là việc mà Phật-tử Huế cần có, phải có và có được, tôi tin như vậy.

\*

PHẬT ĐÀN 2508  
tháng 4 năm Giáp-thìn

Thượng-Tọa TRÍ-QUANG

# ĐẠO PHẬT VÀ TINH THẦN DÂN CHỦ

CAO - LANG

MỘT trong những nguyên tắc chính yếu của dân chủ là không có ý-kiến của một người nào được xem là độc tôn, là sự thật, không cần bàn cãi. Bất cứ ý kiến nào đưa ra cũng cần phải được tranh luận, suy xét, và ý kiến đó chỉ được chấp nhận sau khi đã được thảo luận tự-do. Bởi vậy khi tìm đến bản-chất của nền dân-chủ Tây-phương, một giáo-sư Pháp—ông G.Vedel—đã nhận xét rằng tinh túy của dân chủ nằm trong ý-niệm đối-thoại : dân chủ là một cuộc đối thoại — đối thoại để giải quyết những mâu-thuẫn trong xã-hội. Cuộc đối thoại đó phải được diễn ra trong khung cảnh tự-do, thanh bình, và hiểu biết lẫn nhau. Không có đối thoại, ý nghĩa của dân chủ sẽ mất. Hiểu theo nghĩa ấy, không thể nói có dân chủ tại các nước độc tài hay Cộng-sản, bởi vì trong các nước đó dân chúng chỉ biết tuân hành những mệnh-lệnh từ trên đưa xuống không được bàn cãi, chỉ-trích, không được góp cả một tiếng nói. Nói một cách khác, trong các nước đó, ý niệm đối thoại đã bị thay thế bằng ý-niệm độc-thoại. Sự tranh luận bị thay thế bằng sự ép buộc, cưỡng-bách.

Cái tinh - thần tranh luận, đối thoại đó chính là đặc điểm nổi bật nhất của Phật-giáo, so với các tôn giáo khác. Cao hơn một bậc nữa, cuộc đối-thoại đó không phải chỉ diễn ra giữa ta với người khác, mà còn diễn ra thường-xuyên giữa ta với ta.

Đạo Phật không bao giờ bắt buộc ai tin một cách mù quáng, bởi vì lòng tin mù-quáng, dù là tin đạo Phật, cũng là một trở-ngại trên đường giải-thoát, giác-ngộ. Trong khi đi giảng đạo Phật, các nhà sư chỉ giới-thiệu một cách vô tư giáo-lý thuần túy đạo Phật và để trọn quyền người nghe tự ý tìm hiểu, tự-ý tin tưởng tự ý tuân-hành.

Một hôm những người giòng Kalama đến bạch Phật : « Bạch Thế Tôn, những vị Bà-la-môn và những nhà truyền giáo đến giảng đạo cho chúng con và nói rằng chỉ có giáo lý của họ dạy mới đúng chân lý. Bạch Thế Tôn, chúng con rất phân vân, không hiểu nên tin bên nào, nên bỏ bên nào ».

Trả lời câu hỏi ấy, Đức Phật không nói rằng : « Hãy tin ta, ta là một thần linh, và ta sẽ đưa các người lên thiên đàng. Đức Phật cũng không chỉ-trích, không bài trừ tất cả các tôn giáo kia là nguy-giáo.

Đức Phật chỉ dịu dàng trả lời : « Người đừng tin theo ai cả. Người chỉ nên nghe theo lý trí của người. Người hãy đem thực-hành thuyết « Bát Chánh Đạo » của ta chẳng hạn và so sánh với lý thuyết của những đạo khác rồi người sẽ biết nên tin theo bên nào mà nên bỏ bên nào ».

— « Ôi, rộng rãi thay lời nói của đấng Từ Bi ! Con chưa từng nghe một đấng truyền-giáo nào dạy như Ngài thế cả ». Đó là lời ca tụng của ông Tu Bát Đà La ngày xưa, và cũng là lời ca tụng của tất cả những người tôn trọng tự do tư tưởng ngày nay.

Đức Phật cũng dạy thêm : « Đừng vội tin một điều gì vì thường nghe nhắc nhở đến điều ấy luôn, đừng vội tin một điều gì, vì đó là một tập tục của ngàn xưa để lại. Đừng vội tin những điều người ta nói đến nhiều quá! Đừng vội tin điều gì dẫu điều ấy được người ta đem bút tích một vị thánh-hiền xưa để xác nhận... Đừng vội tin điều gì, dẫu điều ấy ở dưới mãnh lực của ông thần hay của các nhà truyền giáo.

Tất cả những sự lý theo kinh nghiệm riêng của người, và sau khi xác nhận phù hợp lẽ phải, tạo hạnh-phúc cho người, và cho muôn loài, thì chính đó là sự thật, và các người hãy cố gắng sống đúng theo sự thật ấy ».

(Kinh Kalama)

Sự giáo-hóa đòi với đạo Phật vì vậy là một sự giáo hóa vô tướng nghĩa là không chấp bi, thứ, ngã, nhân, không phải trọng đạo lý mình mà khinh đạo-lý người, không kiêu-sa khi khuất-phục được người, không chán-nản khi bị thất bại, cũng không âm-mưu diệt trừ đạo khác để tôn-giáo mình có đất sống. Chân lý chỉ thật là chân-lý khi chính ta suy nghiệm và thấy rõ như thế. Chân lý không còn là chân lý nữa khi ép buộc người khác phải nghe theo. Lòng tin không thể bắt buộc được, cũng không do ai ban xuống cả. Lòng tin chỉ đến sau khi đã được kinh nghiệm xác nhận. Bởi vậy đòi với đạo Phật, không ai có quyền can thiệp trên con đường đi đến đích của người khác. « Hãy tự thấp đuốc lên mà đi », đó là lời dạy cuối cùng của Phật. Cho nên đức Phật chẳng bao giờ nói rằng đạo của Ngài là Chân-lý; Ngài khiêm tôn, nhu-mì — nhưng đúng đắn biết bao : « Chân lý như mặt trăng, giáo lý của ta như ngón tay chỉ mặt trăng. Đừng nắm ngón tay ta là mặt trăng ! » Đức Phật cũng chẳng bao giờ tự phụ rằng giáo-lý của Ngài là tuyệt-đối. Luôn luôn trong tinh-thần khoan hòa, khiêm-tôn, Ngài ví giáo-lý của Ngài như chiếc bè đưa người qua sông : ai muốn qua sông, bè sẵn sàng đưa, ai muốn ở lại bờ bên kia, cứ ở lại, không ai ép. Nhưng khi đã qua sông rồi, chiếc bè không còn cần thiết nữa, không phải lên bờ rồi mà vẫn còn mù quáng định vác cả chiếc bè theo. « Nay, các vị Tỳ-kheo, giáo lý ta dạy cũng như chiếc bè đưa người qua sông, chánh pháp còn phải bỏ đi, huống hồ phi pháp ».

Chính cái tinh - thần khoan-hòa, rộng-rãi đó, chính nhờ ở sự tôn trọng tự-do tin - tưởng và tự-do tư tưởng đó, chính vì không bao giờ cõ-chấp, dù là cõ chấp chánh pháp, suốt mấy ngàn năm truyền bá giáo-lý khắp cõi Á-Đông này, đạo Phật chưa bao giờ làm rơi một giọt máu. Một hình-ảnh đẹp đẽ của tinh-thần quảng đại ấy là Vua A Dục: nhà Vua là một tín-đồ rất sùng bái đạo Phật, nhà Vua lại cấm quyền trên khắp cả xứ Ấn-Độ bao la, nhà Vua lúc nào cũng mong cho đạo Phật thâm-nhuần tận hang cùng ngõ hẻm, vậy mà đồng thời nhà Vua vẫn chăm lo săn sóc cho các tín đồ đạo Bà-La-môn tức là đạo đang chông lại với đạo của Ngài.

Chiến tranh chỉ xảy ra khi nào người ta cõ chấp, hoặc cõ chấp một chủ nghĩa (như chiến tranh cả nóng lẫn lạnh hiện nay), hoặc cõ chấp một tin tưởng (như chiến tranh tôn giáo—các thánh chiến). Minh tin một điều gì, rồi coi điều đó như một sự thực tuyệt đối, rồi thấy ai không tin như mình thì cho là ngu-muội, mê lầm, rồi thấy ai nói khác với mình thì coi như kẻ thù, rồi dùng sức mạnh để bắt ép người ta phải tin như mình, rồi nghĩ rằng ép được một người như thế là gần Thần-tượng thêm một bước — đây, mầm-mống của chiến-tranh là đây.

Đạo Phật không cõ chấp, đạo Phật rộng rãi khoan hòa, đạo Phật tôn trọng tự-do — tự-do tuyệt-đối —, cho nên lời giáo huấn của các bậc

Tăng già không bao giờ đi theo sau súng đạn hay chữ ký của những hiệp ước. Đạo Phật là Đạo của Hòa-Bình. Tâm hồn thuần-hậu, hiền-hòa, độ-lượng của con người Á-Đông chẳng phải được nảy nở trong bầu không khí hòa-bình đó sao ?

\* \*

Tôi không phải là một nhà truyền giáo cho nên kết luận của tôi khi viết bài này (1) không phải là hô hào cho một tôn-giáo. Tôi ra suy nghĩ những vấn-đề chính-trị hơn tôn-giáo, vì vậy cái nhìn của tôi là cái nhìn của một người thích nói lý thuyết chính-trị. Tôi nghĩ rằng dân chủ không thể nào có được giữa những người không muốn nói chuyện với nhau, giữa những người bưng tai lại khi người khác nói, hay bịt miệng người khác không cho người ta lên tiếng. Dân chủ tức là thừa nhận những mâu thuẫn, những tranh chấp trong xã-hội, và giải-quyết những tranh chấp, mâu-thuẫn đó bằng cách nói chuyện với nhau, bằng đối-thoại. Như vậy đối-thoại là một sự trao đổi quan điểm, một sự giải thích. Giải thích, bàn luận bao giờ cũng có ích, bởi vì nhờ đó mà có thể làm đôi phương thay đổi quan điểm của họ. Muốn thế, bên này nói thì bên kia phải nghe, và nghe xong thì phải được quyền tiếp lời. Như vậy mỗi người đối thoại không chõ-từ đôi-phương mà trái lại chấp-nhận sự hiện-hữu của đôi-phương, và cố gắng đặt mình vào quan điểm của đôi phương. Dân chủ tức là phải thấy Người khác, nghe Người khác, chứ không phải chỉ biết một mình Ta, chỉ nghe Ta, chỉ tin Ta, chỉ có Ta là độc-tôn, chỉ có Ta là chân lý.

Cái Ta là cái mà đạo Phật không bao giờ biết đến. Bởi vì đạo Phật là đạo Vô Ngã.

Một hôm có bọn cướp vào phòng ngài Đàm Tạng bắt Ngài khỏa của. Ngài mỉm cười bảo chúng : « Ta đã không có, thì của của ta làm gì có ? » (2).

Lúc nào cũng nhũn-nhặn, khiêm cung, luôn luôn khoan hòa với mọi xu hướng trái nghịch, không ép ai phải tin theo mình, không bao giờ tự cho mình là Chân-lý, lúc nào cũng đặt sự tranh luận trước lòng tin, cái tinh-thần đó của Phật-giáo tự ngàn xưa nào có khác gì cái tinh túy của dân chủ ngày nay ?

Từ mấy năm nay nước Việt-Nam này đang sờ-soạng đi tìm một hình-thức dân-chủ. Tìm thì cứ tìm đi, nhưng hãy nhớ rằng tất cả mọi hình thức dân-chủ đều sẽ đưa đến thất bại, nếu chính cái tinh thần dân chủ nói trên không có. Cái tinh thần đó không có trong con người ông Diệm. Cái tinh-thần đó, đau đớn thay, cũng không có trong rất nhiều người anh em của chúng ta hiện nay.

Đó chính là môi nguy-cơ trầm trọng đang đè nặng trên giải đất miền nam nước Việt này. Không những dân chủ, cả miền Nam này sẽ mất nếu còn những con người cường tín.

CAO LANG

(1) Nói là « viết » e không đúng. Phải nói là cõp nhật từ một số bài trong các báo Viên Âm.

(2) Viên Âm số 102, 103, PL. 2514.

# PHẬT GIÁO VỚI DÂN TỘC

ĐOÀN KHOÁCH

**P**HẬT lịch 2508 nhưng dân-tộc Việt-Nam đã biết, tin và sống theo Phật già nửa thời gian đó (1). Trong khoảng 1370 năm, Phật giáo ở Việt-Nam cũng trải qua bao nhiêu thăng trầm cùng với số kiếp của dân tộc. Những ai hằng lưu tâm đến lịch-sử và đạo giáo ở Việt-Nam, chắc không quên được sự thật này. Nhờ chân lý của Phật pháp, dân-tộc luôn nuôi dưỡng được tinh-thần quật khởi đối với sự tồn vong của đất nước; nhưng Phật pháp cũng nương tựa vào sức sống dân tộc mà thêm sáng tỏ được ánh hào quang muôn thuở của Đức Như lai. Dân tộc chịu khổ đau, Phật pháp cũng bị lu mờ, dân-tộc được hạnh phúc, Phật pháp càng tỏ rạng. Người Phật-tử hôm nay nếu vui mừng thấy được lửa đạo sống dậy trong tâm hồn mình, hân hoan như Ánh đạo vàng chan hòa chảy trên đất nước, thì thiết tưởng cũng nên hoài niệm đến nhân duyên gắn bó keo sơn giữa dân tộc và đạo pháp trong quá khứ xa xăm. Suy-niệm quá khứ cũng chính là vạch đường lối hành động cho chính mình hôm nay và ngày mai nữa.

## 太宗皇帝勸衆偈。

- |         |         |
|---------|---------|
| 1. 生老病死 | 5. 迷而求佛 |
| 2. 理之常然 | 6. 惑而求禪 |
| 3. 欲求解脫 | 7. 禪也不求 |
| 4. 解縛添纏 | 8. 杜口忘言 |

Sinh, lão, bệnh, tử,  
Là lẽ thường nhiên  
Muốn dứt dây nợ,  
Dợ kia trời liền,  
Thề mà những kẻ,

Học Phật cầu Thiên  
Cứ muốn giải thoát  
Là mê là điên  
Nghĩa Thiên mẫu nhiệm  
Khó nói cho nên.

NGUYỄN TRỌNG THUẬT (Nam phong số 189)

Bài kệ « khuyên tất cả mọi người » trên đây là của một Phật-tử, một vị vua khai sáng cơ nghiệp nhà Trần, đã ý thức được vị-trí và sứ mệnh của mình đối với cuộc đời và đạo pháp, phải chăng đáng cho chúng ta suy nghĩ.

Đời là khổ, đó là chân lý. Nhưng tâm trạng người đời vốn sợ khổ đau, sợ cả việc nghĩ đến khổ đau và luôn luôn có thái-độ lẩn tránh, hoặc muốn quên đi bằng những hình-thức xem khinh cái khổ, hoặc miệt-mải trong những thú vui bổng bột nhất thời. Cũng vì thế mà hầu hết người đời đều nhắm mắt trước những khổ đau của kẻ khác và ngay của cả chính mình nữa. Riêng Trần-thái-Tông đã có một thái-độ vô cùng can-đảm, bất chước được dâng Thê-tôn, nhìn thẳng vào thực tại khổ đau bi-đát đó, để suy nghiệm ra rằng trong thế-giới hiện-tượng vô thường này, vẫn có những cái « thường nhiên » đối với thân phận con người bao nỗi thông khổ về sinh, lão, bệnh, tử. Thái-độ can-đảm này đã giúp Trần-thái-Tông đi sâu vào những nỗi đau khổ của người đời để đề ra một đường lối sống không kém phần linh-động, bao hàm đầy đủ tính chất nhân bản hiện thực siêu nhiên của con người muốn sống và muốn thương yêu cứu vớt những con người khác cũng muốn sống như mình.

Không phải Trần-thái-Tông không biết cuộc đời là vô thường biến đổi, cũng như không phải không biết đường lối giải-thoát của đấng Thê-tôn, ý hẳn người nhận thấy người đời trung tín sùng Phật nhưng chưa thật hiển Phật, chỉ bo bo cố chấp mô hình-thức giáo lý khô cứng; vì thế mà trong ý thức khổ-đau, người đã lạc-quan tin tưởng vào giá trị của cuộc đời hiện-thực.

Cuộc đời có ý nghĩa hay không, con người có giá trị hay không, là do hành động thực-hiện của con người trên bước đường họ đang đi, đang sống. Những biến-hóa bất thường của cuộc đời hiện-tượng đã như một định-luật, con người muốn cần giải thoát mà lại đi phủ nhận giá trị sự sống trong cuộc đời, thì đó là một điều sai lầm hết sức. Con người là một « quán tam tài như trung-lập, vi vạn vật chi chí linh » (3) nghĩa là đã gồm đủ cả hai phương diện hiện thực lẫn siêu-nhiên, mỗi đấng có một giá-trị riêng biệt, mà thiết yếu của sự kết hợp này là tinh-thần thực hiện ý nghĩa tự-do của mình : « cư ảo sắc diệt danh chân sắc, xử phạm thân đã thị pháp thân, phá lục tặc vi lục thân thông, du bát khổ tác bát tự tại » (4)

Phải chăng đó là ý thức tâm tư của con người đã đem gần trọn đời mình để tìm hiểu và thực-hiện chân lý của đạo Phật ? Và phải chăng, đó cũng là đường lối giải thoát của đấng Thê-tôn trên bình diện con người trong cuộc đời hiện-thực ?

Trần Thái-tông cách đây 8 thế kỷ đã hoài bảo « lấy trách nhiệm của tiên thánh làm trách nhiệm của mình, lấy giáo hóa của Phật tổ làm giáo hóa của mình » (5) trong công trình hoàng dương đạo pháp, còn chúng ta những Phật-tử thế-kỷ 20, chúng ta phải nghĩ sao về trách nhiệm của chúng ta ?

(1) Phật giáo chính thức truyền vào Việt Nam năm 594 do ngài Tỳ-ni-da-lưu-chi, tổ thế nhất về phái Thuyết-tôn ở Việt Nam. (Việt Nam Phật-giáo sử lược. Thượng-Tọa Mật Thế. Phật học viện trung phần ấn hành 1960).

(2) « Thái Tông hoàng đế khuyên chúng kệ ». Trần Thái tông ngự chế khóa hư. Tổng hội Phật giáo Bắc kỳ biên tập, bản in của Học viện bác cổ viện đồng Hanoi.

(3) Tứ sơn kệ. Nhật sơn. Trần Thái tông ngự chế khóa hư, quyền thượng.

(4) Phổ thuyết sắc thân. Trần thái tông ngự chế khóa hư, quyền thượng.

(5) Thiên tông chỉ nam tự. Trần thái tông ngự chế khóa hư, quyền thượng.

# GIỌT NƯỚC CAM-LÔ

(để thay mục CHÉN THUỐC ĐĂNG)

B A C A O

Đặc biệt trong số kỷ-niệm Ngày Đản Sanh của Đức Thê-Tôn này, — và chỉ trong số này thôi —, tôi xin phép được thay thế mấy chữ « CHÉN THUỐC ĐĂNG » bằng « GIỌT NƯỚC CAM-LÔ ». Bởi vì tôi sắp kể lại một vài câu chuyện của nhà Phật. Mà chuyện của Đạo Từ Bi thì lúc nào cũng trong lành, thơm mát như nước Cam-Lô, chứ không đắng như mấy chén thuốc của tôi. Tôi xin kể hầu quý Vị vài câu chuyện về chữ TÂM.

## TẠC TƯỢNG PHẬT

Ngày xưa, khi Đức Phật còn ở đời, vua Ưu-Điền thỉnh Ngài về nước ở lại giáo-hóa trong mấy tháng. Hết hạn, đức Phật từ giả nhà Vua dời gót đi nơi khác. Suốt mấy tháng được chiêm ngưỡng Phật, được nghe lời giảng dạy của Phật, nay phải xa lìa Phật, Vua Ưu-Điền buồn bã vô cùng. Hình ảnh Đức Thê-Tôn lúc nào cũng vẫn vương trong tâm trí nhà Vua. Để tưởng nhớ Phật, vua Ưu-Điền cho truyền trong dân-chúng rằng người nào có tài chạm vẽ hình tượng Đức Thê-Tôn giống y hình ảnh Vua tưởng niệm, sẽ được thăm tạ, hậu thưởng.

Một ngày kia, có một người thợ khảm gỗ đến kinh-đô xin ra mắt nhà Vua và hứa sẽ làm nhà Vua toại nguyện. Người thợ dùng gỗ chiền-đàn — một thứ gỗ hương rất quý và thơm — chạm trở chẳng bao lâu, rồi mang tượng đến dâng Vua. Thấy tượng, nhà Vua xúc động đến rơi lụy, vì tượng giống hệt Đức Thê-Tôn. Vua Ưu-Điền bèn quay hỏi người thợ : « Ông gặp Đức Thê-Tôn chưa ? Làm sao ông chạm trở giống Ngài đến thế ? ».

Người thợ mỉm cười, kín đáo trả lời : « Tôi chỉ tạo tượng Phật trong tâm tôi ra ».

## TIỀN ĐÒ

Có một vị đạo-nhân qua một chuyến đò; cô lái đò — một thiếu nữ rất đẹp — đòi tiền gấp đôi. Vị đạo nhân lấy làm lạ, hỏi. Cô gái trả lời : « Trong khi Ngài đi qua đò, Ngài còn lấy mắt ngó tôi, nên tôi phải tính thêm tiền ».

Lần sau vị đạo nhân cũng đi qua chuyến đò ấy, cũng gặp cô lái đò xinh đẹp ấy, nhưng lần này vị đạo nhân cúi đầu không nhìn. Qua bên, cô lái đò tiền gấp hai lần trước. Vị đạo nhân cho là vô lý. Cô lái đò giảng nghĩa : « Lần này Ngài không lấy mắt ngó tôi, nhưng Ngài lấy Tâm ngó tôi, nên giá tiền phải tăng lên gấp đôi ».

## CON DAO TRONG TÂM

Ngày xưa, ở thành Xá Vệ nước Ấn Độ, có hai vợ chồng nhà kia tham lam độc ác. Phật muốn hóa độ cho gia đình đó, mới hóa ra một vị đạo nhân, đến khất thực. Lúc ấy, người chồng đi vắng, người vợ ở nhà thấy vị đạo nhân, bèn mắng chửi ầm lên. Đạo nhân ôn tồn hỏi : « Tôi là người tu hành, chỉ xin ăn tự sống, lòng chỉ mong gia chủ hiền bát cơm đỡ lòng, sao lại mắng chửi tôi ? ».

Trong khi người vợ tức giận la hét, thì người chồng vẻ trong tay cầm sẵn cây dao. Chẳng nói chẳng rằng, người chồng xông tới, toan chém người Đạo sĩ. Bỗng một bức thành pha-lê trong suốt hiện lên, bao bọc vị đạo nhân. Người chồng xô đạp đâm chém mãi vẫn không sao phá đổ bức thành. Anh ta nghỉ tay, bảo đạo nhân : « Ông mở cửa cho tôi vào với ». Đạo nhân trả lời : « Được, nhưng ông hãy quăng con dao đi đã ».

Người chồng tự nghĩ : « Minh to lớn thế này, hẳn ta bé nhỏ dường ấy, chỉ cần hai tay không cũng đủ quật nó chết ». Nghĩ thế, quăng con dao xuống đất. Nhưng bức thành pha-lê vẫn y nguyên như cũ. Người chồng tức giận, hét lên : « Tôi quăng con dao rồi, sao không mở cửa cho tôi vào ? ».

Vị đạo-nhân mỉm cười : « Không, tôi không nói ông quăng con dao trong tay ông, tôi muốn ông quăng con dao trong tâm ông kia ! ».

Người chồng giật mình kinh sợ, thấy đạo nhân thấu rõ ý nghĩ thâm kín của mình, liền cúi xuống lạy tạ, ăn năn hối lỗi. Bức thành biến mất, vị đạo nhân biến thành Đức Phật hào quang rực rỡ.

\* \* \*

Cách đây mấy hôm, tôi có đọc trong báo Tự Do một bức thư của một số người yêu cầu Chính-Phủ dời ngày xử Đặng Sĩ ra xa sau ngày Phật Đản để « tránh mọi cuộc xô xát đổ máu có thể xảy ra bởi thái độ quá khích của một số tín đồ các tôn giáo ».

Bức thư còn dọa rằng nếu « xử Đặng Sĩ tại Huế, chắc chắn không thể tránh khỏi những xô xát có thể đi đến đổ máu ».

Lại máu! Sao chúng ta phải dùng máu để nói chuyện với nhau ? Tôi chợt nghĩ đến bức thư ngõ của Thượng Tọa Thích Trí Quang : «... Phật Giáo không muốn đổ máu thêm nữa, máu của Phật tử đã đổ ra nhiều đến bao nhiêu... Tiếng nói của tôi chỉ là tiếng nói thay cho lòng Từ Bi của Phật Giáo thể hiện trong lòng Phật tử... » Một đóa hoa nhân ái nở ra trong vườn thù hận. Không biết những con người hận thù có ngửi thấy hương thơm thanh khiết ấy chăng. Biết làm sao tiếp nối câu chuyện khi TÂM của con người còn chứa đầy oán hờn nghi kỵ ?

Biết bao giờ chúng ta mở rộng lòng để đón nhau ? Biết bao giờ các người anh em của chúng ta vứt bỏ cây dao con chó trong tâm để phá vỡ bức tường ngăn cách ?

Kính Mừng  
**PHẬT ĐẢN**  
**2508**



\*

« PHẬT ĐẢN SANH »  
HỌA PHẪM TÂY TẠNG  
Thê - ký XVI — XVIII

**ÁNH SÁNG HÔM NAY**

**N**gàng mặt nhìn ánh sáng hôm nay  
cuốn cuộn người đi  
giữa niềm Tin chói ngời sự Đạo  
bát ngát rừng cờ năm sắc trong tay  
âu á mỹ phi ngừng cơn vũ bão  
không gian ngừng gió thổi mây bay  
trái đất ngừng quay  
những vòng quay khổ não  
hướng về Việt-Nam  
khiêm nhường bên bán đảo  
chiêm ngưỡng những con người đột được trong đêm  
cho bây giờ  
văng vặc trăng lên

ánh trăng rằm thánng tư máu nhiệm  
trong phút thiêng liêng hồn tưởng niệm  
những hình hài dẫm máu  
những pháp thân đỏ lửa  
những giọt lệ hiền từ  
những bàn tay đưa lên  
nú lấy máu cờ  
trước lũ ma vương — hiện thân tội ác  
mũi súng đầu gươm  
xe tăng đại bác  
nhân loại giết mình  
mở mắt nhìn Trái Tim Bồ Tát rực rỡ hào quang  
mừng thiên thu đẹp mãi ánh trăng vàng  
từ phương đông  
chói lòa mười phương thế giới  
lửa từ bi sưởi ấm bắc băng dương

— lạy đức Thê Tôn  
trong khổ đau của hằng hà nhân loại  
có niềm đau khổ Việt-Nam  
đang mỗi phút mỗi giây  
từng giọt máu chảy  
từng thây người đổ xuống bởi lòng tham  
quỷ chiến tranh tàn bạo  
vung tay bóp chết từng sự sống mỗi mồn  
thêm lũ ma vương  
còn tị hiềm ánh Đạo  
chém vào vết thương  
và trong tất cả nỗi khổ đau phiền não  
có niềm đau khổ không tên  
vây phủ nhân dân khi súng nổ bom rền  
do những bàn tay  
đang kéo lùi lịch sử

thê giới hôm nay  
hướng về phương đông rực rỡ  
năm sắc mây hiện hiện diêm lảnh  
vang dội tiếng chuông chùa thức quần sanh  
dẫm dùi u trảm trong cơn mơ tội lỗi  
ơn pháp độ  
muôn loài đang tầm gọi  
hãy thắp sáng ngọn đèn cho bóng tối lùi xa  
cho nước Việt đau thương  
chánh pháp chan hòa  
tiếng súng giận hờn  
thành hồi chuông giác ngộ  
câu miệt thị  
thành lời kinh cứu khổ  
tội ác ma vương  
thành cánh sen bưng nở nguy nga  
trăng tròn thương yêu chiếu sáng cảnh ta bà.

HOÀN VŨ  
(2508)

# VINH NHỤC

## GIỮA HAI MÙA TRẮNG

của QUÍ-LINH

**M**ÙA Trăng 2507, tháng tư năm Quý-Mão, Phật-giáo Việt-Nam phải đương đầu với một cuộc đàn áp vô cùng tàn nhẫn và khốc liệt...

Mùa trăng 2508, tháng tư năm Giáp-Thìn, Phật giáo Việt-Nam như đang đón công của cho một ngày vui, tựa như ngày vui của « kẻ chiến thắng »...

Gian khổ trong cuộc đấu tranh người ta rất dễ VINH

Nó nức trước cái hào nhoáng thắng lợi, người ta rất dễ NHỤC...

Những sự việc vừa xảy ra và có tương quan đến Phật giáo Việt Nam và đã làm chấn động dư luận qua báo chí vừa rồi bắt buộc những tín đồ biết suy tư phải đặt vấn đề Vinh-Nhục giữa hai thời gian lịch sử, giữa hai mùa trăng, mùa trăng Phật Đản năm trước và mùa trăng Phật Đản năm nay...

### NHỮNG NGÀY GIAN KHỔ ...

Khi lịch-sử Việt-Nam âm thầm ôm lấy cái thảm trạng độc tài, gia-đình trị dưới cái vỏ « Dân chủ », « Tự-do » của một nước có Hiến Pháp, khi ấy giữa lòng Dân-tộc mầm « Tôn giáo-trị » đã nảy nở mạnh, và sự kỳ thị Tôn giáo nghiêm nhiên đã trở thành một chính sách ngầm ngấm trong « quốc sách » của chế độ họ Ngô. Phật giáo một Tôn giáo của tám mươi phần trăm Dân tộc Việt-Nam đã trở thành nạn nhân chính. Chúng ta không bàn đến khi thê của Phật-giáo Việt-Nam trong các giai đoạn lịch-sử trước, ngay trong suốt chín năm đầy ải dưới chế-độ Ngô-đình-Diệm, chín năm hoàng đương Phật pháp giữa bao sự khổ đau, Phật giáo đã đạp trên mọi gian nguy thử thách để phát triển một cách hiên ngang, cái Vinh lạng lã và khiêm tôn này của Phật-giáo Việt-nam cũng là cái VINH chung cho DÂN TỘC.

Và cuộc gian-khổ đầy vinh dự này đã bùng lên mãnh liệt giữa mùa trăng Quý Mão, tháng tư 2507 tại Huế khi Lá Cờ Phật-giáo Quốc-tê bị triệt hạ.

Chính giai đoạn này những khổ đau, buồn tủi của Dân-tộc trút trọn qua tâm hồn Phật-giáo Việt-Nam đã biến thành uất hận thúc đẩy cuộc đấu tranh gian khổ, để rồi khai lối cho bao nhiêu vinh dự nở hoa giữa mùa trăng PHẬT ĐẢN năm trước.

### NHỮNG NGÀY VINH DỰ ...

Những vinh dự này có thiên hình vạn trạng, khi thì là máu thịt và thân xác của những Phật tử gan dạ bị hắt hủi và đũa vế một xô bên cặp Đài Phát thanh Huế..., khi thì là những ánh đuốc thiêu thân vì đại cuộc, nếu bùng lên được nó đủ sức làm chấn động quê hương và hệ giới, nếu bị cướp dập và dập tắt trong đêm âm u, lại trở thành một tiếng gọi vọng khắp núi sông, thấm lọt giữa lòng dân tộc thành những thức tỉnh, những rung cảm chiến đấu... có khi cũng là bóng dáng u buồn và huyền nhiệm của một « ĐẠO-HỮU » trong đêm khuya mới phút trước đang ôm chặt lấy câu khẩu hiệu đấu tranh bất bạo động, phút sau đã hóa ra người Thiên cổ vì những viên đạn bạo tàn của quân binh chế độ cũ.

Vinh dự này trời dấy khắp nơi và không kể sao cho xiết, nào tại cầu Bến-Ngự, nào tại sân Từ-Đàm, Chùa Diệu Đê, công trường Quốc-Hội, sân nhà thờ Đức Bà... Từ Thuận Quảng đến Sài Thành; từ biên địa đến nông thôn, từ đối cao, đến góc biển, cùng khắp nhà lao, hãm giam kín, sông là Khí Phách, thác là Tinh Anh. Những vinh dự đó trong địa hạt tôn giáo là TRƯỜNG THÀNH BỔ TÁT, trong địa hạt dân tộc là KHÍ THỂ CÁCH MẠNG bùng lên đốt tan bạo lực.

Nhưng có một vinh dự cao đẹp và thiêng liêng hơn cả là cái đặc tính khiêm tôn của kẻ không cầu Vinh, không đùa với cái VINH cũng không lợi dụng cái Vinh, bởi vì cầu Vinh, đùa với cái Vinh, lợi dụng cái Vinh, thì Vinh lại trở thành Nhục.

### NHỮNG NGÀY THIÊU VINH DỰ ...

Giữa mùa Trăng hôm nay, tại Miền Nam tự-do này, khi bao nhiêu ĐÀI KỶ NIỆM được xây cao, chính là lúc chúng ta phải suy nghĩ nhiều vì nó.

THƯỢNG TỌA THIỆN MINH, Tổng vụ Thanh niên thuộc giáo hội Phật giáo Việt-Nam thông nhất trong một phiên họp có tính cách chấn chỉnh nội bộ của đoàn sinh viên Phật-tử có nói một câu đầy ý nghĩa :

« Trước kia chúng ta không chết vì đời, bây giờ chúng ta rất có thể chết vì nó ».

Nếu những ngày gian khổ của bao nhiêu năm trước đã đem lại cho Phật giáo rất nhiều vinh dự, thì trái lại trong giai đoạn với cái bộ mặt, cái bề ngoài « dễ chịu » hôm nay, lại càng làm cho chúng ta phải lo lắng nhiều hơn; thiếu vinh dự cho Phật giáo biết bao nhiêu khi những hình thức bên ngoài có thể gây ra ngộ nhận : « cái thời tôn giáo dựa thê chính quyền, cái thời « đi can thiệp » xin kiem, cái thời những lực lượng quân đội bị lợi dụng cho tôn giáo trong chế độ cũ... tợ hồ như đã nảy mầm hôm nay giữa lòng Phật giáo Việt nam ». Chúng ta quyết đánh tan những ý nghĩ mới manh nha này bằng những hành động sáng sủa và dứt khoát hơn : hãy trả những chiếc GMC về cho Quân đội, những chiếc xe Huê-kỳ về cho khách hào hoa, chân chúng ta chỉ biết đạp đất, đầu chúng ta chỉ biết tiếp nối cùng vô tận, màu sắc chúng ta là nâu sồng, hương vị chúng ta là thanh đạm. Hãy xây dựng Phật giáo giữa một Dân-tộc đang khổ đau đúng theo lời kêu gọi của ĐỨC TĂNG-THÔNG Phật Giáo Việt Nam trong Thông Điệp Phật Đản 2508, và chúng ta phải thấu rõ những khổ đau ấy là gì ?

Trong địa hạt dân-tộc, Dân Việt đã mang tiếng làm cách mạng và thành tích cách mạng ấy như đã bị lợi dụng một cách quá đáng để uy hiếp và không chế lương dân bằng những lực lượng sông sót của chế-độ cũ. Phải chăng Dân đã làm « bò » cho người ta cỡi để tiền đên quyền uy và danh vọng, và khi có uy quyền người ta sắp sửa trở lại hành hạ Dân ?

Trong địa hạt tôn giáo, phải chăng như đã có những tổ chức mạnh tâm dùng một vài lớp sơn hào nhoáng của cái cảnh cờ bay, đèn thấp, trống khua ở thị thành để che đậy một thảm trạng của các tín đồ Phật-giáo ở nông thôn ? nhất là nơi hang cùng ngõ hẻm, nơi sơn cước chôn cao nguyên vùng 2 chiến thuật Tín đồ P.G. vẫn còn chịu nhiều nỗi oan khuất, chết chóc. Hiện tại đa số tín đồ Phật giáo bị đặt vào cái tình trạng tiếng có miệng không, có làm nhưng không có hưởng, và bên cạnh họ, chung quanh họ có bao nhiêu lực lượng vô hình, trước kia huênh hoang, bây giờ lại lui về bóng tối chực quây phá và núp bóng thụ hưởng như những bầy ma hiểm độc tinh quái.

Thậm tệ hơn, hiện nay Tín đồ Phật giáo đang có nhiều lý do để nghi rằng như đã có một tổ chức để xuyên tạc, lung đoạn ngay cơ sở thượng tắng của giới lãnh đạo cao cấp trong hai viện Tăng Thông và Viện Hóa Đạo của giáo hội Phật giáo thông nhất mà báo chí Việt-Nam và Ngoại quốc gần đây đã lợi dụng khai thác triệt để.

Trước bao nhiêu khổ đau còn đè nặng DÂN TỘC, bao nhiêu lâm nguy đang bao vây tín đồ Phật giáo, đặt vấn đề kỷ niệm những anh linh đã khuất giữa mùa Trăng năm trước, đặt vấn đề ca ngợi ân đức của bao nhiêu người vì Phật giáo mà phải diên cưỡng, bệnh hoạn, phải chịu cái cảnh thân tàn ma dại trên khắp các bệnh viện Việt-Nam hiện tại, phải chăng đặt các vấn đề ấy cũng có nghĩa là phải suy nghĩ nhiều đến vấn đề Vinh Nhục giữa hai mùa trăng ?



# NGÔN NGỮ NHẤT LINH

LÊ TUYỀN

« Anh xem : tôi viết câu này cũng bi hiểm không kém gì anh :  
— Xa anh, nếu tôi còn sống, được đọc văn anh... »

Nhất Linh

(Đôi Bạn — Nhật Lá Bàng VI)

### 3. Phật tính và Bản chất ngôn từ.

Khi con người không còn chấp ngã nữa đây là lúc Phật tính hình thành. Phật tính vốn đã sinh thành đồng thời với con người, nhưng chỉ hình thành khi con người nhận được mình như một tương quan có-không cùng thể giới. Đây cũng là lúc vượt thường đề hiệu lễ Vô Thường, đi từ cái thường của thể giới đến lễ Vô Thường của vũ trụ, đi từ cái ngã ta vị kỷ đến vô ngã tôi thương như một bản thể của sự trở về. Nói cách khác, nhận mình trong một hiện hữu Vô Thường và Vô Ngã chính là con đường tìm đến của Phật tính trong mỗi một chúng ta. Tự mình chúng ta đạt đến Phật. Tự ta mà ta giải thoát cho ta. Ngôn ngữ của ta chính là lời giúp cho ta tìm về sự thật ấy của bản thể, tâm linh ta chính giúp cho ta tìm ra tiếng nói ấy của ta. Trong đời Anh, Anh đã từng qui định điều đó. Anh không lựa chọn trong hình thức một tôn giáo nào, nhưng ngôn ngữ của Anh đã qui định cho Anh tâm linh của Phật giáo, tiếng nói của Anh đã hàm chứa Phật tính trong những nét trở về với suy tư làm người trước một thể giới khổ đau :

« Đời sống chỉ là mơ, niềm vui cũng chỉ là mơ. Thanh tự nghĩ nếu có chết ngay lúc này, nàng sẽ không đau khổ. Hồn nàng sẽ hóa thành một giấc mơ vui rồi khi giấc mơ ấy tan đi là chết, là hết. Nàng chắc cả vũ trụ này đến ngày tận thế cũng vậy, cũng biến thành một niềm vui bao la rồi cứ thế hòa lãng, tan dần đi trong cái mênh mông của hư vô, không có sự chết, không có sự sống, mà ngay cả đến cái hư vô cũng không có nữa ».

(Giông Sông Thanh Thủy — Chi Bộ Hai Người 139-140)

Cuộc đời là đau khổ. Nhưng cuộc đời cũng chính là khổ mơ. Vì tất cả đời sống chỉ là mơ, cho nên theo mơ, theo sống mới tạo thành đau khổ. Anh đã dệt những đau khổ đó. Anh đã sống trên những đau khổ đó. Anh đã vui cùng đau khổ đó. Và như thế nghĩa là Anh đã nhận cuộc đời như một hiện thân của đau khổ, và làm người là sống với đau khổ, nhận thể giới này như đích thực của khổ đau mà không từ chối: «... những đau khổ ấy lại là những nỗi vui độc nhất của chúng ta bấy lâu» (Đôi Bạn). Anh vui trong đau khổ, nhưng đến khi anh nhận không còn vui nữa, vì niềm vui cũng chỉ là mơ, nghĩa là cuộc đời không còn một căn bản hưởng thụ, mà cuộc đời chỉ là nơi tìm đến để thể hiện những giấc mơ của con người. Một trong những giấc mơ ấy có lẽ là giấc mơ cứu khổ. Cứu cái khổ mơ, chính là giấc mơ rộng lớn nhất của con người, vì đây là giấc mơ bao trùm cả mọi người, và lại bắt đầu ngay chính nơi mình, một giấc mơ đi từ ta đến kẻ khác, giấc mơ Tự Giác để có thể Giác Tha. Và Anh đã để cho Thanh tự giác : « Thanh tự nghĩ nếu có chết ngay lúc này, nàng sẽ không đau khổ ». Chết mà không đau khổ, thưa Anh có phải là đang tự giác rồi? Con người ấy, Thanh, trọn đời bị lừa gạt, bị chống rút bỏ, bị tình nhân lừa đảo, con người ấy đi vào guồng máy chính trị và cách mạng, con người ấy đến đây, trước vũ trụ đã thấy tất cả là Mơ. Và vì tất cả là Mơ cho nên không còn gì để mà đau khổ ! Tất cả đều chỉ bọt bèo. Tất cả đều là trôi nổi. Và ý thức về cuộc đời luôn bắt đầu tự mình, và chính tự mình mà biết về cái khổ để diệt khổ, cho nên Thanh đã « Tự Nghĩ ». Nghĩ và Nghĩ về cái chết, cái chết tận diệt tất cả mọi ràng buộc kẻ cả cái ta, và nghĩ về Ta trong cái chết mà không đau khổ nghĩa là đang thoát khổ.

Nhưng trên cương vị nào của Đạo mà ta thoát khổ ? Pháp luân còn cho Anh ý thức nghiệp duyên. Và vì ý thức nghiệp duyên, cho nên Anh đã để cho Thanh nhìn về Thanh thoát nghiệp: « Hồn nàng sẽ hóa thành một giấc mơ vui rồi khi giấc mơ ấy tan đi là chết, là hết ». Thanh chết, nhưng còn Hồn là Thanh chưa chết. Còn Hồn là còn Nghiệp, cho nên phải vượt được Hồn, Thanh mới thật thoát cái Ngã của Thanh. Và Ngã của Thanh thoát đi đâu ? Thoát trong một giấc mơ vui, nghĩa là đang giải thoát, dựa vào mình để làm cho mình thoát mình. Ngã của Thanh là một điểm tựa cho Thanh đạt tới Vô Ngã, Vô Ngã khi «giác mơ ấy tan đi » và Giải Thoát thật chính là lúc thoát Nghiệp.

Cho nên, nếu con người thoát Nghiệp trong một giấc mơ vui, thì ngày tận thế không phải là ngày khổ đau nhất, không phải là ngày phán xét cuối cùng, mà chính là ngày vui diệt khổ. Ngày tận thế sẽ là ngày vũ trụ nở hoa vui trong một niềm vui hòa đồng của cảnh Giác Ngộ được tự thành, Viên mãn : « Nàng chắc cả vũ trụ này đến ngày tận thế cũng vậy, cũng biến thành một niềm vui bao la rồi cứ thế hòa lãng, tan dần đi trong cái mênh mông của hư vô, không có sự chết, không có sự sống, mà ngay cả đến cái hư vô cũng không có nữa ».

Anh đã quan niệm đúng như cái nhìn của một người Tin Đạo. Vì tin đạo theo nghĩa của chúng ta, không phải là tin ở những giáo điều kinh sách, mà chính tin ở lý giải thoát cuối cùng của cả vũ trụ này. Và đây, thưa Anh là một lý giải thoát được đạt tới trong một sự thanh thân hoàn toàn của một niềm vui bao la và niềm vui ấy đạt đến muôn loài, muôn vật, muôn hình, muôn thể, làm cho không có sự chết, không còn sự sống, vì vượt qua sống chết, vượt qua luân hồi vượt qua nghiệp duyên là vũ trụ đạt tới một sự giải thoát rộng lớn và hoàn toàn, một sự giải thoát không còn cái Có, vì khi nào còn có cái có là vẫn phải còn cái không, cho nên Anh đã thấu triệt được lẽ giải thoát Vô Thường của Phật : « ... mà ngay cả đến cái Hư vô cũng không có nữa ».

Anh đã thể hiện Phật tính trong con người bằng ngôn ngữ của suy tư, và chính thứ tiếng nói nội tâm ấy mới thật là tiếng nói đích thực. Và phải chăng, thưa Anh, tiếng nói đích thực ấy vẫn là một tiếng nói hiềm hoi, một tiếng nói mà qua suốt một đời con người chỉ có thể nói được một lần, và lần ấy, con người đã chứng quả được chăng là mình Giác Ngộ ?

« Thanh bỏ rơi bông trà cầm ở tay rồi nhìn theo : bông hoa rơi, rơi mãi cho đến khi không thấy nó đâu nữa. Nàng nói :

— Thế là hoa biến vào vực thẳm, biến vào hư vô. Lúc này tôi muốn nhảy xuống là để biết vực thẳm, hư vô ra sao, chắc cũng có cái thú của một hạt muối tan trong nước ?

(Giông Sông Thanh Thủy — Chi Bộ Hai Người 140)

Trong ý thức về đời, con người nhận xét rõ mình là một sự hòa tan. Một sự hòa tan không còn đau khổ khi ý thức diệt khổ đã đến với mình. Cái kinh nghiệm hư vô vẫn là một cái thú. Không phải là thú đau thương, mà cái thú được biến dạng, được cải hóa, được trở về « cái thú của một hạt muối hòa tan trong nước », cái thú diệt ngã từ sự minh định cái ngã của mình như một khởi điểm để đi vào. Phật tính trong Anh không phải phát huy ra bằng giáo lý, tín điều, mà Phật tính trong anh phát huy ra bằng ngôn từ được cảm nhận. Sự thật của Đức Tin vì thế không phải là một sự thật bị thuyết phục, mà chính là một sự thật được sống bằng tất cả chân thành của tâm linh con người khi đặt mình hiện hữu trước thể giới. Không phải chỉ một thể giới, mà còn chính hằng hà thể giới, không phải chỉ một kiếp trong thời gian mà chính vô lượng kiếp của thời gian.

« Thanh nhìn một hai cánh bướm ở tận cuối hồ xa xa bảo Ngọc :

— Hay là ta bỏ cách mệnh đi tìm Thiên Thai. Ở đây không ai nghĩ đến giết ai. Không có ai cả ngày chỉ cố tìm những mưu mô quỷ quyệt để hại kẻ khác, nếu không nhanh thì kẻ khác hại mình ngay; ở đây không có thuốc tiêm giết người, chỉ có cà phê em nấu ngon để anh uống. Không có cái thứ cà phê nước cốt thiết đặc để át mùi thuốc độc... »

(Giông Sông Thanh Thủy — Chi Bộ Hai Người 137-138)

Con người chỉ vì sống quanh quẩn trong một kiếp cho nên sinh ra ác độc. Con người chỉ biết có một thể giới cho nên vị kỷ hẹp hòi. Trái lại, nếu biết nhìn vũ trụ trong một cái nhìn cõi mờ, thì ta có thể « bỏ cách mệnh đi tìm Thiên Thai » nghĩa là già từ cuộc đời này, thể giới này để đi tìm một thể giới khác. Hướng tìm về của ta phải là một hướng tốt hơn, một hướng đẹp hơn, và sự tìm về đây mở ra cho chúng ta một viễn ảnh. Viễn ảnh mà Anh mơ ước vì thế cũng là viễn ảnh của một vũ trụ được mở rộng ra, trong đó có cái thể giới mà « ở đây không ai nghĩ đến giết ai » thể giới của đóa sen khi nở ra đã chứng quả trong một tương quan thân hữu không có chất độc được ám hại của cõi Ta Bà này. Ước mơ ấy, tìm kiếm ấy, thưa Anh phải chăng cũng chính là một ước mơ thoát nghiệp, khi kiếp người nặng nghiệp oan trái của thể giới Ta Bà này chỉ làm cho nhân thể « cả ngày chỉ cố tìm những mưu mô quỷ quyệt để hại kẻ khác... »

(xem tiếp theo trang 13)

# SUỐI LÒ Ò

Nhật ký của HOÀNG VĂN GIÀU

(tiếp theo)

## CHIẾU

Việc dở dang khi sáng gát lại, buổi hội thảo cuối cùng vẫn tiếp tục. Ông Tổng giám-đốc Tr.V nói về vấn đề khảo cứu khoa học trong một nước chậm tiến, và ông khoa trưởng Th. nói về Hiện tượng chậm tiến. Tâm trí đang bị giao động mạnh về chuyện hồi sáng nên chẳng nghe chỉ được bao nhiêu. Hiện tượng chậm tiến, quốc gia chậm tiến. Tại sao lại không gọi là quốc gia đang ở trên đường phát triển, như vậy có phải dở bị quan và có tính cách phân khích hơn không? Ngày nay, chính phủ đưa ra ba chiều bài, hay đúng hơn, mở ba mặt trận một lúc, Chia rẽ, Cộng sản và Chậm tiến, rồi đồng thời mình lại thấy chính phủ tuyên chiến với một tam thể khác nữa là Phong, Thực, Cộng. Như thế thì trên quan điểm chiến thuật, chiến lược, chính phủ nhắm đến cái gì, nhắm đến ai, nhắm đến như thế nào? Luật số 10-59 là một định-nghĩa đầy đủ đầu là kẻ địch của chính phủ, và đó cũng là một lớp giáp dày bảo vệ cho khuynh hướng độc tài, bè đảng đang phát hiện.

Nếu không có Cộng-sản thì Chính-phủ chỉ cần đánh Phong Thực để xây dựng xứ sở trên nền tảng thần lý Nhân vị Cộng đồng. Nhưng theo Chính-phủ, Phong Thực tư bản, hủ lậu, tham lam đã cầu kết với Cộng-Sản ác ôn còn đồ phá khuấy... « như rươi » nên chậm tiến vẫn lai hoàn chậm tiến và tổ quốc thân yêu đã giữ kỷ lục quốc tế về dai sức chiến tranh trong hai mươi mấy năm rồi, dám chắc không ai phá nổi.

Nước Mỹ đã tạo ra một Mac Carthy, nước Mỹ đào tạo thêm một ông Ngô đình Diệm thì cũng không lạ gì. Mac Carthy đã một thời làm cho nước Mỹ sốt rét vì vụ cáo lung tung hết người này đến người kia là cộng sản, chính quyền do tổng thông Ngô đình Diệm cầm đầu hôm nay cũng đang lấy lại bản nhạc của Mac Carthy để hợp tấu. Vì thầy ai cũng là cộng sản nên tổng thông chỉ tin cậy, bao bọc, nâng đỡ có mình tập đoàn của ông mà thôi. Mười năm nay tập đoàn này đã làm gì cho xứ sở, cho tổ quốc, đã làm gì để kéo V.N. ra khỏi vòng chậm tiến? Cộng sản càng ngày càng làm dữ, nhất là từ năm 1960 đến nay, hạng Phong Thực thì vì gặp lúc vị ngộ không làm được chi, nhưng đó lại chính là những ký sinh trùng phá hoại xứ sở, phá hoại chính quyền còn mạnh hơn cả những con vi trùng phung hủi, vi trùng uồn vãng. Ông Diệm và tập đoàn của ông đang ngồi trên « cái nổi của Papin », không biết họ có ý thức được điều ấy không. Bây giờ, chỉ còn một nơi để cho ông Diệm và tập đoàn của ông nương tựa : người Mỹ. Chắc cũng còn lâu người Mỹ mới bỏ rơi ông vì người Mỹ vốn ngây thơ và cả tin, những người họ giúp đều là những con bệnh bị ung nhọt, ít khi họ có đủ can đảm nhận chịu những phê bình khắt khe đòi lập để chạy chữa, họ can đảm ngồi chờ lúc ung nhọt thật chín thối rồi hốt luôn. Đại hàn, Phi luật Tân và những quốc gia Nam Mỹ là những ví dụ. Nhưng họ quên rằng lúc họ chờ cho ung nhọt chín thì dân của những nước họ giúp đỡ — vì độc tài, áp bức của chính quyền được họ ủng hộ và sắp bị họ bỏ rơi — sẽ oán trách họ vô cùng. Tình cảnh hiện tại của tổ quốc mình cũng thế đó. Bao giờ thì người Mỹ bỏ rơi ông Diệm và tập đoàn của ông? Câu hỏi ấy còn đặt ra thì Phật giáo còn khó. Liệu tinh thần từ bi của con nhà Phật có đủ để xóa hết những oán hờn gây ra bởi những khổ não này không? Người Mỹ thực tế lắm, nhưng quá thực tế cho nên đôi khi họ không thực tế chút nào. Hoàn cảnh đặc biệt của xứ sở, nhất là khi Cộng sản đang làm le đầu

đó, không cho phép những người Việt nam yêu nước ước mong người Mỹ ra đi như người Pháp ra đi năm 1954-1955, nhưng với những chính quyền mất lòng dân như chính-quyền của Tổng-Thông Ngô đình Diệm hiện tại, người Mỹ phải ở lại như thế nào đây cho « chèo đi mát mát, chèo lại thênh thang »?

Còn chiến tranh thì còn chậm tiến, thì năng lực quốc gia còn bị phung phá, thì sự trợ giúp vì nhân đạo của người Mỹ cũng như bao nhiêu người khác còn vấp phải hư không. Chiến tranh vì Việt Minh vô sản còn cầu kết với Thực Phong tư bản để giết lẫn, giết mòn một dân tộc đang chịu đựng để vươn lên. Cầu kết như thế nào? Tại sao? Bóng tối chông ánh sáng, nhưng ánh sáng, theo một khía cạnh nào đó, cũng nuôi dưỡng bóng tối. Chưa trả lời được câu hỏi ấy, chưa ý thức được hoàn cảnh ấy thì tổ quốc thân yêu vẫn chỉ là một nạn nhân, và DÂN TỘC chỉ là một chiều bài rỗng che đậy những tham vọng phản bội, bắt chính mà thôi.

\*\*\*

« Chris mền thương, bây giờ đã hơn 10 giờ khuya. Anh đang ngồi dưới cái trại lính dựng lên làm nhà ăn để viết những dòng nhật ký ngày hôm nay đây. Say sưa nên anh ghi quá dài, nhưng vẫn chưa hết, anh vẫn chưa kể hết trọn vẹn những gì xảy ra suốt ngày hôm nay, nhất là buổi tối hôm nay. Tinh thần anh bị căng thẳng từ trưa đến giờ. Anh không biết rõ mình đang buồn hay đang vui trước tất cả những gì đã xảy ra hôm nay nữa, có điều chắc là anh đang nhớ Chris, nhớ Huệ vô vàn. Giờ chắc Chris đã ngủ yên. Không hiểu sao mỗi lần nhớ Chris, anh vẫn liên tưởng đến câu thơ : « Nương song luồng ngân ngơ lòng... ». Nhớ xa xôi.

## THỨ TƯ 05-06

Tiếp chuyện hôm qua về bản hiệu triệu của giáo chức đại học về cuộc tranh đấu giữa chính-quyền với Phật giáo nhân vụ lộn xộn ở Bến-Ngự.

Buổi thảo luận buổi sáng tạm hoãn vì ban giám đốc cũng như thuyết trình viên đã gặp những phản ứng bất ngờ bất lợi. Phải hoãn đến buổi tối, chắc đề có giờ vận động.

Tối đến, ăn xong nghỉ một chút thì bắt đầu họp. Mọi người đều đông đủ, chờ đợi và sẵn sàng nhập cuộc. Cuộc thảo luận kéo dài. Ban giám đốc và nhất là ông Th. cố gắng đi từ thông cảm này đến thông cảm khác, đi từ khuyến dụ này đến đồ dành khác để cho cái dự thảo hiệu triệu được chấp thuận. Họ cố lần từng tấc, từng thước... chật vật, khó khăn. Nhưng những người chống, chống hiệu triệu, chống Ban giám-đốc và chống ông Th. thì vẫn khấn khấn giữ vững lập-trường theo đó công việc này phải tuân tự đi qua hai giai đoạn trước hết biểu quyết xem có nên ra lời hiệu triệu không đã, nếu đã sỏ đồng ý có lời hiệu triệu thì sau đó hãy bàn đến nội dung của lời hiệu-trieu... chứ không thể bàn ngay nội dung của lời hiệu-trieu mà không xét thử mọi người đã đồng ý có lời hiệu triệu hay chưa như ông Th. và Ban giám đốc đang làm.

Công việc của những giáo chức Phật tử và những người ủng hộ Phật giáo thực là khó khăn nếu không muốn nói là nguy hiểm. Họ phải nói làm sao cho tất cả hội trường hiểu rõ vấn đề, hiểu rõ Phật giáo đang bị áp bức, chính quyền đang đàn áp Phật giáo chứ không phải Phật giáo kiêu có gây sự với chính-quyền. Phát biểu những điều này lên trong một cử tọa đa tạp như thế này, trong một hội nghị đang được chính phủ chiếu cố và ước mong nếu không ủng hộ thì cũng đứng ra mặt công khai chống chính quyền

như thế này là cả một phiêu lưu nguy hiểm. Vừa sợ chính quyền vừa sợ những bạn đồng nghiệp của mình vốn hay có tính thế nào xong thôi, miễn sao đừng hại đến mình là được, chấp nhận bắt từ lời hiệu triệu ấy thì thật là nguy cho Phật giáo. Có lẽ phải ở vào một hoàn cảnh, cấp bách và khó khăn như thế cho nên có nhiều người nổi nóng bắt chấp nguy hiểm, bắt chấp hậu quả. Có người phát biểu hăng quá, Ban giám đốc phải chỗi từ và đặt ra luật mỗi người chỉ có thể lên micro ba lần thôi. Mình còn nhớ một vài câu nói khiến mình cảm động đến chảy nước mắt :

— Các ngài nói đến vụ xung đột ở Huế nhưng các ngài có biết xung đột như thế nào chưa? Đàn bà con nít tay không xung đột với xe tăng, cảnh sát hay sao?

— Các ngài bảo giáo chức phải có thái độ trung lập trong cuộc tranh chấp giữa Phật giáo với chính quyền. Nhưng trung lập là thế nào? Tôi là một Phật tử, nhà tôi có bàn thờ Phật đã mấy chục năm nay bây giờ nếu tôi thừa nhận lời hiệu-trieu trung lập này thì lúc về tôi phải dẹp bàn thờ ở nhà tôi hay sao?

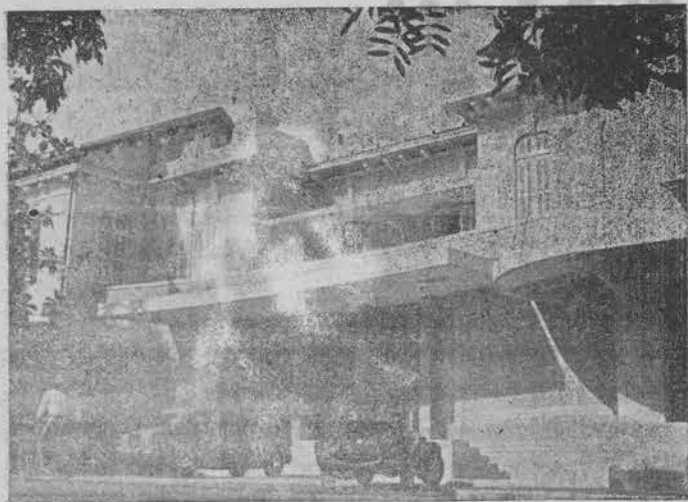
— Chúng ta phải thận trọng. Sự im lặng của chúng ta bây lâu có thể là một điều đáng trách, đáng cho sinh viên coi nhẹ chúng ta, đồng bào khinh chúng ta rồi. Nếu bây giờ chúng ta vấp phải một lỗi lầm vì không thấu hiểu vấn đề, không can đảm can nhắc thì giá trị của chúng ta, của đại học sẽ còn gì đây? Ông Th. và Ban giám-đốc cứ nhất định cố kể bàn đến nội dung lời hiệu-trieu làm như thế mọi người đã đồng ý cho ra lời hiệu triệu rồi, phe chống cũng nhất định chống đến cùng và đòi cho được biểu quyết trên nguyên tắc mọi người có đồng ý cho ra lời hiệu triệu không đã. Ông nói gà bà ư vịt... Hội trường hoang mang, lộn xộn. Lúc đó đã hơn 11 giờ khuya.

Cuối cùng ông Th. và ban Giám-Đốc đồng ý biểu quyết sau khi đã làm cho mọi người hiểu rằng chính ông cố-vấn đưa ra ý kiến này và nếu bản hiệu triệu này bị bác bỏ thì « anh em chúng ta » chắc sẽ không tránh được ít nhiều khó khăn... Rồi ban giám đốc cũng xác định tất cả sẽ biểu quyết bằng cách dơ tay công khai. Có lẽ ban Giám đốc cũng như ông Th. đã nghĩ rằng làm như thế chắc không có mấy người dám dơ tay phản đối. Nhưng đến lúc ông Th. hỏi câu đầu tiên « Quý vị nào đồng ý chúng ta nên có bản hiệu triệu » và ông phải hỏi đến lần thứ hai mới có một người lăm lét dơ tay lên, một người mà thôi. Ban giám-đốc cũng như ông Th. tỏ ra thất vọng nào nề. Lễ đáng, đến đó là việc ra lời hiệu triệu coi như không có nữa. Nhưng ông Th. vẫn còn cố gỡ nước chót. Ông nói, bỏ phiếu bằng cách dơ tay như thế lộn xộn không kiểm soát được nên yêu cầu mọi người bỏ phiếu kín. Có lẽ vì nghĩ rằng có nhiều người sợ liên lụy với chính quyền không muốn bác bỏ lời hiệu triệu nhưng cũng không dám công khai dơ tay đồng ý vì sợ những người khác khinh chê vì cho mình hèn nhát nên ông Th. mới đề nghị bỏ phiếu kín. Và có lẽ cũng vì ý thức được điều ấy nên ông Ng. đ. Th. mới tình nguyện lên kiểm phiếu và tuyên bố rằng sau khi kiểm xong, tất cả những phiếu này sẽ được đem đốt trước mặt mọi người. Để phi tang đầu tay, dĩ nhiên. Hội trường có nhiều tiếng vỗ tay tán thưởng ý kiến của ông Ng. đ. Th. Và cả ông Th. lẫn ông Ng.đ.Th. đều đã nghĩ không sai chút nào.

Khi kiểm phiếu, 181 người có mặt thì 7 người không có ý kiến (phiếu trắng) 86 người đồng ý cho

(xem tiếp trang 9)





# HUẾ 4

của  
HOÀI THY THANH

Khi ánh nắng cuối cùng không còn thếp vàng những ngọn cau xanh Vỹ-dạ và lịm tắt trên cái tháp chứa nước cao sừng sừng ở Kim-long. Khi giòng Hương-giang đổi từ màu xanh tà áo người nữ sinh Đông Khánh sang màu đen thâm chùiếc áo Dạ thân. Bây giờ đêm xứ Huế khởi đầu. Đêm huyền diệu lên ngôi bằng những vì sao chỉ chít hiện ra giữa nền trời, bằng ánh sao hôm óng ả, chói lọi, sáng như đôi mắt người yêu...

Và trắng lên, trắng êm đêm trải chiếc khăn voan lên thân hình xứ Huế, ngọt ngào hơn lời nói ân tình của đôi trai gái đang sánh bước kể vai dưới chân núi Ngự-bình. Trăng thấp đèn cho những vì tinh tú. Trăng làm thơ, đặt nhạc. Trăng ngọc trắng ngà trắng nõn nà làn má nàng cung nữ đang độ xuân thì.

Mỗi lần đến Huế giữa mùa trăng, tôi lại có ý tưởng muốn tắt cả mọi nhà đều mở toang những cánh cửa, tắt hết đèn — cả những dây đèn đường — để ánh trăng chan hòa khắp nơi nơi. Mỗi năm có được mấy mùa trăng và trong đời bao nhiêu lần chúng ta được nhìn trăng đẹp, phải thế không hở em ?

Khách đến thăm xứ Huế, xin hãy chọn vào những đêm trăng sáng, bởi vì như thế mới hưởng trọn được hương vị của Huế ban đêm, mới có thể thành thạo dạo chơi trên những con đường tráng đầy men trăng sáng. Khách sẽ thấy lòng ngây ngất theo từng cơn gió nhẹ ru mình trong không gian, và trong vườn nhà ai thoảng thoảng hương ngọc lan. Xin chớ giết mình khi cuối đường trăng thoát hiện một tà áo trắng, không phải là gái liêu trai đâu nhé. Cũng đừng ngạc nhiên tự hỏi sao phố Huế ban đêm vắng người, vắng những tà áo trắng, áo tím, áo xanh của Đông-Khánh, Nguyễn-Du, Bồ-Đề... Bây giờ là ban đêm và những tà áo đó đã biến mất sau khung cửa. Họ như những cánh bướm muôn màu chỉ nhón như bay lượn dưới ánh nắng trong vườn xuân, rồi đêm đến những con bướm lại chui vào cái kén. Những con thú hiền trở về sào huyết khi ánh mặt trời chợt tắt. Vùng cảm địa.

Những linh ảnh yêu kiều vừa mới lướt thướt xê dịch trên những con đường dẫn đến trường học, e ấp giữa đại lộ hoàng hôn hoặc phản chiếu sắc màu trên những bên đò, soi bóng mỹ-miệu xuống mặt nước Hương giang, rồi dòng nước vô tình trôi đi cuốn theo những áo trắng, tóc thế, môi hồng, những bàn-tay-ngọc-lan nhẹ nhàng ôm trang sách học. Chớ vội buồn vì những phút giây thoáng gặp. Đời sống không phải là một phút dừng chân trên một bên đò hay sao ? Buồn mà chỉ khi nước chảy về nguồn, khi lá rụng về cội. Giờ đây trăng lên đã khá cao rồi, mời người bước xuống thuyền. Nhưng đừng nhìn nước nhìn thuyền bằng ánh mắt ngấu đục rồi nước sông Hương cũng hóa đục ngầu. Trăng sáng và trong lắm, xin lòng người cũng trong sáng như trăng. Nằm trên khoang thuyền giữa mặt nhìn trăng người sẽ được hưởng cái thú lênh đênh trên thuyền dưới nước. Người sẽ thấy mơ màng dang xa những nhịp cầu Tràng-tiên uốn khúc lênh đênh, những con đò, những bờ sông, những mái nhà, những chòm cây cũng lênh đênh. Cá trắng sao trên trời nữa. Tất cả đều lênh đênh và những câu thơ của một thi

sĩ nào, xa vắng quá không còn nhớ tên nữa chợt trở về « Em ơi vệt sáng phù kiều uốn mình ở thước; Ta suốt đời ngư phủ chờ con thuyền trên mái tóc em buồn lênh đênh ».

Kim đồng hồ bọc đèn nê-ông ở chợ Đông-ba đã chỉ quá nửa đêm rồi. Tiếng gõ guốc ồn ào của đám người trở về khi những rạp chiếu bóng đóng cửa cũng đã chìm vào im lặng. Trong cái xa vắng của đêm trường chỉ thỉnh thoảng chợt nghe vẳng lại những âm thanh « Ai ăn chè đậu xanh đậu ván... » chữ cuối cùng bao giờ cũng kéo dài ra lẽ thê như cuộc sống, cuộc sống bình thường đến độ nhán nhục nhức buốt. Rồi tất cả cũng lắng xuống, chỉ còn khách, thuyền, trăng và sương đêm lạnh lạnh phủ xuống Huế đang đi vào giấc mơ đêm.

Nếu chưa từng sống ở Huế lần nào thì khách đừng đến Huế vào giữa mùa mưa. Vì ở đây mưa đêm buồn lắm. Mưa ray rứt; mưa lẻ thê buồn như giòng lệ long lanh trên mắt người thiêu phụ; mưa tê tái thấm đậm hơn nỗi lòng người cung nữ khi nhan sắc phai tàn không còn được dâng quân vương sùng-ái.

Tất cả đều cuộn mình trong một chiếc chăn ấm. Tất cả đều trở nên vội vã, vội vã ra đường, vội vã về nhà, vội vã về quê. Phố xá đã mất đi cái lực hấp dẫn trong mùa nắng, mùa trăng. Như những con chim trở về tổ trong mùa gió bão, mọi người trở về tìm êm ấm dưới mái gia đình, trong cái thú vị ngồi nghe một bản nhạc khi gió cuốn những chiếc lá vàng ướt dẫm nước mưa rơi ngoài song cửa, hoặc trong niềm vui vừa trẻ thơ vừa tình nghịch của những cô học trò ngồi quây quần bên ánh lửa nhấp nháy ngó rang và bắt đầu câu chuyện bằng hai tiếng « Ngày xưa »

... Ngày xưa em còn nhớ ? Anh nắm tay em bước đi trên con đường đất đỏ, con đường dài hun hút chạy giữa hai hàng liễu xanh. Em mỉm cười ánh mắt tình nghịch trẻ thơ reo lên khi một con cóc nhỏ hốt hoảng nhảy qua đường. « Ôi con cóc bé nhỏ dễ thương làm sao ». Trời ơi, tình anh xưa nay vẫn rất sợ con vật có làn da xù xì đó, thế mà sau nhận xét nhí nhảnh của em anh đã bảo nó dễ thương như em. Anh ước ao con đường đó dài bất tận để được nắm tay em đi mãi, đi mãi đến tận cái thiên đường trẻ thơ của em...

Nếu không có gia đình khách có thể tìm đến một cái quán cà phê nhỏ bên đường ngồi trầm ngâm nhìn những giọt nước đen, đặc quánh từ từ nhỏ xuống đáy cốc thủy tinh, phả phèo một điều thuốc lá cho đỡ lạnh. Nghe mơ hồ trong mưa từ chiếc máy thu thanh của một nhà bên cạnh tiếng ca « Nam ai » đã diết cất lên. Ôi buồn làm sao. Mưa xứ Huế đã buồn rồi mà nghe giọng hò xứ Huế nào nuốt cùng tiếng đàn tranh, đàn nhị thì còn nỗi buồn nào hơn nữa. Nếu là kẻ xa nhà khách có thể thấy lòng rưng rưng với tiếng hát buồn thê lương tái tê đó.

Tách cà-phê bốc khói đưa lên môi cũng không làm lòng khách đủ ấm khi chợt nghĩ đến những mảnh đời đã sống. Buồn như những bên đò đứng lặng trong đêm mưa, như tâm sự nàng ca kỹ neo thuyền trên bến Tâm-dương :  
« Bến Tâm-dương canh khuya đưa khách,  
Quạnh hơi thu lau lách đìu hiu »

## SUỐI LỒ-Ồ

(tiếp theo trang 8)

ra lời hiệu triệu và 88 phiếu chống việc ra lời hiệu triệu. May mà tôi nay ông đồng lý văn phòng H. và ông khoa trưởng Ch. vắng mặt nếu mây người ấy có mặt thì kết quả chưa biết thế nào đây. Mười một giờ rưỡi hơn buổi họp chấm dứt.

Giáo chức đại-học đã tỏ thái độ, một thái độ chống đối đã là tiêu cực đối với chính quyền trước cuộc tranh chấp giữa chính quyền với Phật-giáo. Lời hiệu triệu của giáo chức đại-học kêu gọi giáo chức, học sinh, sinh viên toàn quốc giữ thái độ trung lập đã bị bác bỏ. Minh thờ phào sung sướng trước sự thất bại chua cay của chính quyền nhưng mình không khỏi suy nghĩ.

86 người ủng hộ chính quyền, 88 người chống chính quyền và 7 người không biết bên nào mà theo. Con số này đã nói rõ thái độ, nhận định cũng như những hoang mang bấp bênh của gần 200 giáo sư Đại-học của ba trường Đại-học Sài-gon, Đà-lạt, Huế, Trung-tâm Kỹ-thuật Phú-Thọ, Nguyễn tứ lực cuộc, Cao đẳng Mỹ-thuật, Quốc-gia âm nhạc Kịch nghệ nghĩa là tất cả những người có thể nói, đang trực tiếp nắm vận mạng văn hóa, tinh thần của miền Nam này. Họ bác bỏ lời hiệu-triệu thái độ trung-lập, nhưng con số trên đã chứng tỏ giới lãnh đạo trí thức muốn « trung lập », nghĩa là muốn đứng ngoài càng xa càng tốt cuộc tranh đấu vì tự-do tín ngưỡng, vì công bình xã hội vì những giá trị tinh thần mà Phật giáo đang phát khởi. Mình cũng không hiểu nổi nữa. Người ta lại có thể đứng đứng trước những bất công, trước những vi phạm trắng trợn mà chính quyền đang bắt Phật giáo phải chịu như thế sao ? Mình còn nhớ trong quyết nghị được thông qua hôm rồi trong đó các giáo chức đại-học, cao đẳng đã long trọng xác nhận nhiệm vụ của đại học là duy trì và phát huy những giá trị tinh thần truyền thống vĩnh cửu. Nói như thế nhưng tôi hôm qua lại có đến 86 người đứng về phe chính phủ, ủng hộ chính sách của chính-phủ đối với Phật giáo, can đảm nhắm mắt trước những bất công mà Phật giáo cũng như toàn dân đang phải chịu. Phật giáo đang dựa vào những giá trị tinh thần, những quyền lợi vĩnh cửu để tranh đấu nhưng các giáo chức đại-học lại có một quan niệm về quyền lợi vĩnh cửu khác hẳn như thế này thì Phật giáo còn mong chi sự ủng hộ của những chiến sĩ tinh thần này nữa.

Đêm xứ Huế khác đêm Saigon. Không mang vẻ ồn ào náo nức của những bước chân đô thị đổ xô về các vũ trường đèn xanh đèn đỏ, sặc sụa trong hơi men, khói thuốc, trong những khúc nhạc Jazz cào xé ruột gan, của những thân hình dong đưa theo điệu nhạc. Tất cả đều bị vứt bỏ lại đằng sau.

Đêm xứ Huế không giống đêm Đà-lạt với tiếng gió rì rào trong rừng thông bên hồ Than Thở với những cặp tình nhân trẻ tuổi đi nhau đi bên suối dưới ánh trăng mờ rồi muốn trở về giấc mộng cùng người yêu đến xây nhà bên suối.

Đêm xứ Huế trầm lặng, bình dị, thơ mộng và vui buồn lẫn lộn. Vui như niềm vui cô gái mười bốn tuổi nhìn cuộc đời qua cánh cửa màu xanh của tâm hồn. Ai cảm được em trông rất nhiều hoa, nuôi rất nhiều bướm đằng sau cánh cửa xanh màu hy vọng ấy ?

Đêm xứ Huế cũng pha chút buồn trong tiếng hát của cô lái đò trên sông Hương mỗi lúc đêm về :

« Gió đưa cành trúc la đà  
« Hối chuông Thiên-Mụ canh gà Thọ-Xương »

# ĐẾN TRỜI CŨNG NHẢM MẮT ...

TRUYỆN NGẮN  
của  
CHUNG HOÀNG

(tiếp theo)

Quang trở mình nhẹ nhàng. Kiều Liên đang còn thiêm thiếp ngủ, đầu tựa vào ngực Quang, gương mặt hiền hòa, thoải mái, tin tưởng. Nhìn về trẻ nãi hiện trên đôi môi, đôi mắt nhắm nghiền, trên chiếc áo ngủ hồ hang che đậy thân thể Kiều Liên, Quang cảm thấy Kiều Liên hoàn toàn là của Quang, cũng như Quang, hoàn toàn là của Kiều Liên. Quang hôn lên môi Kiều Liên say đắm. Kiều Liên tỉnh ngủ, vòng tay ôm chặt lấy Quang, cắn vào má Quang, vai Quang và hôn Quang rồi loạn.

— Em chết mắt anh ơi. Em muốn gần anh mãi mãi, sống với anh mãi mãi. Nhận em đi. Em sẽ không dám đòi hỏi chi đâu. Em sẽ chịu khổ suốt đời, miễn sao được gần anh thì thôi. Em yêu anh, hãy thương lấy em, anh ơi.

Kiều Liên khóc. Quang không hiểu Kiều Liên khóc vì vui sướng hay khóc vì hình ảnh tương lai nhàn nhạt, mờ xám chia lỵ đang thoát hiện qua trí óc Kiều Liên lúc đó.

— Đừng nói gì hết. Anh xin em đừng nói gì hết, để cho những phút giây hiện tại được trọn vẹn. Tình yêu tự nó là tương lai rồi, đừng nghĩ thêm tương lai nữa. Tương lai của anh, chết chóc, chém giết không oán, không thù; tương lai của em, em của anh, mỗi mòn trông đợi. Được gì không? Mười mấy ngày sống bên em, không bao giờ anh đụng đến quá khứ của em, chỉ vì anh chưa dám nghĩ đến tương lai với em.

— Em biết. Nhưng quá khứ của em, có chi đáng được anh nghe đâu. Em phúc hơn anh còn cả cha lẫn mẹ. Ba em là một quan lại xưa, dòng các mẹ như người ta thường nói, mẹ em về với ba em từ lúc mười sáu. Khóc hết nước mắt trước khi về với một người đàn ông đứng tuổi sắp phải nhận làm chồng. Một năm sau em ra đời, và mấy đứa em của em kể tiếp. Thời thế đổi thay, nhưng thời không đến với gia đình em. Mẹ em yên lặng như một cái bóng trong gia đình, tình yêu đồng nghĩa với chịu đựng, nhẫn nại và tình thương con cái trở thành một mối lo sợ « không tìm được chồng giàu », « không lo học ăn học nói, học gói học đùm sau này về làm dâu người ta họ sẽ đem cả nhà mình ra mà chửi ». Ba em trở thành một chiếc xe kéo lỏi thời, về hưu năm em lên mười sáu. Năm sau em phải nghỉ học lo chuyện lấy chồng. Mẹ em kén mãi mới câu cho em được một ông chồng đúng ý của bà và hơn em đúng hai mươi lăm tuổi. Góa vợ, đang thời hồi xuân. Con gái theo chồng là hết. Làm dâu được một tuần, hay đúng hơn, làm vợ của một người đàn ông và làm chị vú cho bốn đứa con chồng, em bỏ đi, vì ghê tởm những lần chung đụng với người chồng gần tuổi ba em. Chồng em đăng báo từ, gia đình từ, gia đình em cũng phụ họa. Tròn vào Nha trang, kiếm một chỗ vừa giúp việc vừa kiếm trẻ sống qua ngày. Gặp một người quen ở nhà hiện đang làm công chức trong này, hẳn nói yêu em và em, em cũng nghĩ rằng mình yêu hẳn nhưng khi em có mang với hẳn, nói hẳn cưới em thì hẳn tìm cách xa lánh rồi xa hẳn với lý do không dám nghịch ý gia đình vì sợ thất hiếu. Em tròn chỗ làm lang thang thất thiếu chờ ngày sinh con. Sinh được bốn ngày thì con chết. Không có nước mắt mà khóc nữa. Phải lo kiếm kế nuôi thân. Em kiếm được một chân chiêu đãi viên trong quán giải khát, bước đầu của kiếp giang hồ bán tròn nuôi miệng. Nghề của em luôn luôn cần đến đàn ông, và với đàn ông em chỉ có một điều tâm niệm dùng tất cả những mảnh khóc, những lợi khí thiên nhiên của mình để đùa cho họ điều đứng. Em muốn quên quá khứ của em và em chỉ quên được khi em hành hạ nó. Nhưng càng trả thù em càng sa lầy. Nơi

nào em đi qua số phận cũng chỉ lặp lại bấy nhiêu với em cho đến ngày em gặp anh. Những lúc gần anh, chợt nghĩ đến quá khứ của mình em không khỏi tự hỏi, tại sao em lại chọn anh. Em thật sự yêu anh hay anh chỉ là một nạn nhân của em. Hạng người như em chắc không có quyền nghĩ đến tình yêu chân thật nữa phải không anh? Em không hiểu em, không dám hiểu em nữa.

Kiều Liên nói một hơi dài như người tự kể tội mình. Mắt nhắm nhắm nhìn lên đỉnh màn, xa xôi, hờ hững như một người ngắm nhìn phong cảnh và bình tĩnh kể cho người khác nghe. Quang chờ đợi những giọt nước mắt của Kiều Liên, nhưng Kiều Liên không khóc, không thờ dài. Quang cũng lặng thinh, không biết nói chi nữa, không biết lấy chi để an ủi, khuyên nhủ Kiều Liên. Nói chi bây giờ trước những đón đau ê chề của Kiều Liên, hứa hẹn chi bây giờ trước một tương lai mà chính Quang cũng không biết sẽ ra như thế nào. Quang cảm thấy yêu thương Kiều Liên đậm đà và hồi hận, hổ thẹn vì sự bất lực của mình trong tình yêu. Tình yêu chỉ là những giao điểm những lần chớp loáng vồn hư ảo nhưng vẫn tự đánh lừa là vĩnh cửu. Những khoảnh khắc trọn đời. Bất lực về chính đời mình, thất vọng về chính tương lai của mình, bao nhiêu hứa hẹn, khuyên nhủ chỉ là giả dối và tự dối mà thôi.

Kiều Liên vẫn tựa lên vai Quang. Cả hai yên lặng theo đuổi những ý nghĩ riêng của mình, muốn nói với nhau nhiều lắm, những lời mà yêu thương đang đọc cho tâm trí họ, nhưng cả hai đều không dám mở lời. Lời nào bắt kịp ý tưởng, lời nào bắt kịp những réo gọi của yêu thương, lời nào vượt được những thất vọng mà hình ảnh tương lai đang gọi ra cho cả hai người. Kiều Liên khóc và cả Quang cũng khóc. Cả hai đã khóc cho chính mình nhiều hơn là khóc vì kẻ kia, khóc cho người mình yêu thương...

\* \* \*

Anh,

Anh đọc thư này thì em đã đi rất xa, chưa biết bao giờ em mới trở về và chưa biết em có trở về nữa không. Nói như thế chắc anh đã hiểu em muốn gì rồi. Em không đủ can đảm để đến ngày cuối cùng đưa tiễn anh trở lại đời lính của anh, em không đủ can đảm để chứng kiến tình yêu của mình tan vỡ vì chia lỵ. Mai anh đi rồi phải không anh? Nhưng từ lúc đặt bút viết những dòng này cho anh, em đã mất anh rồi.

Vinh biệt anh, vĩnh biệt những ngày hạnh phúc ngắn ngủi. Chúng mình phải coi đó như là một chuyện dừng chân trên ngã tư đường. Đèn đỏ bật lên. Đứng! anh gặp em và em yêu anh. Tình yêu không sửa soạn, không đuổi chạy, không hẹn hò. Nhưng rồi suốt những ngày còn lại của đời em, em sẽ phải nhớ anh, sẽ phải nuôi tiếc vô vàn.

Em vừa viết vừa run sợ đây. Nếu anh tỉnh giấc, nếu anh gọi em... không biết những dòng chữ này còn có giá trị như em mong ước không và tương lai của chúng mình sẽ như thế nào? Em vừa nguyện cầu cho anh bắt chợt thức giấc, vừa lo sợ nếu anh bắt chợt thức giấc. Phút này không xa được anh thì chẳng bao giờ em xa được anh nữa. Nhưng gần bó?... Em còn nhớ có lần anh đã nói chúng mình không trách nhiệm được chính đời mình thì còn mong lo lắng cho ai. Nhắc lại lời anh không phải em muốn trách chi anh đâu. Phút này nếu anh thức dậy, bảo em chết, em sẽ vâng lời anh ngay. Nhưng mãi sống với anh, em không dám mơ ước. Thà mất anh phút này để được anh mãi mãi còn hơn là được anh để rồi phải mãi mãi mất anh.

Anh hãy trở về đơn vị. Đừng tìm kiếm em cũng đừng thương hại em. Xin anh hiểu em và yêu em hơn. Giữa cuộc đời anh luôn chỉ là một người bị

thua lỗ, cũng như em trong tình yêu của anh, suốt đời em chỉ là người thua lỗ, cam chịu thua lỗ mà thôi.

Vinh biệt anh,  
K.L.

Hai ngày trước hôm hẳn hết phép sắp trở về đơn vị, nửa khuya đang ngủ, tôi vùng dậy đăm đăm nhìn hẳn say sưa ngủ bên cạnh tôi. Và tôi quyết định phải xa hẳn, xa hẳn ngay tức khắc. Tại sao tôi xa hẳn tôi không hiểu hết được lý do. Vì tôi thành thực thương yêu hẳn, vì tôi thấy mình không đủ can đảm để tiễn đưa hẳn, tiễn đưa tình yêu, lẽ sống, niềm hy vọng mà hẳn vừa mới vươn lên trong lòng tôi, vì tôi sợ hẳn tàn nhẫn bỏ tôi, hắt hủi tôi?... Nhưng tôi vẫn viết thư cho hẳn, xong rồi vun quén một ít áo quần, tiền bạc hấp tấp ra đi như một người trốn nợ. Sáng hôm sau tôi đi Đà-lạt sớm. Ở lại nhà một người bạn gái, mười lăm hôm sau tôi trở về thì hẳn không còn ở nhà nữa. Bức thư tôi gửi cho hẳn vẫn còn ở chỗ cũ như thể là hẳn không động đến, nhưng khi lật tôi thấy hẳn ghi mấy hàng như sau: « Tình yêu của anh, không biết những điều em nói với anh trong này có đúng hết hay không, nhưng có điều anh phải nhận là em can đảm. Anh sẽ làm như lời em nói dù tình yêu thương đang réo gọi buộc anh phải đi tìm em. Anh đến với em bằng yên lặng, anh xa em trong yên lặng, rồi đây anh sẽ còn nhớ thương em, đợi chờ em trong yên lặng. Anh sẽ mãi mãi chỉ là của em. Hôn em và vĩnh biệt. »

Tôi điên lên vì thương, vì nhớ hẳn. Hơi hương của hẳn như còn phảng phất, hình ảnh hẳn như còn sống động. Ở đâu tôi cũng thấy hẳn diện diện, cũng nghe tiếng nói, tiếng cười của hẳn, tôi nhớ rõ những cái vuốt ve, mơn trớn của hẳn, những rung động sâu xa mà hẳn đã để lại trong tôi vẫn hồi sinh một cách mãnh liệt cả những khi tôi nhớ hẳn và ngay cả những khi tôi không hề nghĩ đến hẳn. Hẳn xa tôi rồi, nhưng hẳn vẫn sống, vẫn hiện diện trong tôi. Những lần thức giấc canh khuya tôi vẫn dang tay quờ quạng như thể những khi có hẳn bên tôi để ôm chặt lấy hẳn hoặc để nâng nhẹ đầu hẳn tựa lên cánh tay của tôi. Chợt tỉnh, thấy mình cô độc, tôi không khỏi xót xa thẳm gọi hẳn: « anh yêu, em chạy trốn anh nhưng suốt đời rồi em sẽ chỉ là nô lệ của anh. Anh có biết như thượng và hình ảnh của anh đang hành hạ em như thế nào không? anh ơi » Rồi gục đầu vào gối khóc nức nở ngủ thiếp đi bao giờ không hay. Nhiều đêm thức trắng vì nhớ thương xa vắng dẫn vật, hành hạ.

Một tháng sau khi tôi tròn hẳn trở về, thư của hẳn cứ đều đặn đến với tôi một tuần hai cái. Hẳn không hề nhắc đến chuyện tôi lánh mặt hẳn, hẳn cũng không đòi tôi phải viết thư cho hẳn, hẳn chỉ kể cho tôi nghe tất cả những gì hẳn nghĩ về tôi, về hẳn-yêu-tôi, về những ngày đắm âm ngân ngui của hai đứa. Hẳn cũng săn sóc, hỏi han, dặn dò tôi như người chồng xa vợ lo lắng cho vợ.

Những cánh thư của hẳn vẫn đều đều đến tay tôi, tôi vẫn cố gắng, đau đớn yên lặng gần một năm trời. Thư cuối cùng hẳn kể bây giờ hẳn ở tại một quận nhỏ hẻo lánh ở cao nguyên, đang bị sốt rét rừng hành hạ. Hẳn cũng kể rằng hẳn vừa thoát chết trong một trận đụng độ vừa rồi. Đọc thư hẳn tôi khóc ròng như bao nhiêu lần khác. Tôi cố xa hẳn, cố yên lặng để cho hẳn quên tôi, khỏi khổ vì tôi nhưng kết quả lại trái ngược hẳn. Tôi hành hạ tôi và hành hạ cả nó nữa. Tôi quyết định lên thăm hẳn, gặp lại hẳn. Tôi quyết định đầu hàng số mệnh, Lắc lư mây ngày trên xe hàng, tâm trí tôi chỉ có độc nhất hình ảnh hẳn. Bao nhiêu điều tôi sẽ kể cho hẳn nghe, bao nhiêu dự ước cho hẳn, cho tôi, cho hai đứa. Tôi sẽ cúi đầu xin suốt đời thờ phụng hẳn, làm nô lệ cho hẳn. Tôi không thảng nói tôi, nỗi tình yêu của hẳn, nỗi những nhớ

(xem tiếp theo trang 13)

# CÁC NHÀ HỘI HỌA MỚI PICASSO

cỦA XUÂN-LINH

## CHIỀU HƯỚNG TÌNH CẢM PICASSO

### GIAI ĐOẠN NGHỆ THUẬT BUỔI THIẾU THỜI

Bức tranh đầu lòng của Picasso được xem như một nghệ phẩm có giá trị để là: **EM BÉ CHÂN KHÔNG** (fillette au pieds nus); tranh này Picasso vẽ năm mới mười bốn tuổi. Qua bức tranh vô cùng xôn xao và linh động, người ta thấy đó là mầm hứa hẹn của một Tâm hồn nhiệt thành, khao khát. Yêu cuộc đời chân thật, hồi hả, Picasso thường rất ghét những mẫu mực cũ kỹ không đuổi kịp triều sông xô-bổ, cấp bánh của **THẾ HỆ**. Thái độ thao túng này đã thấy rõ hồi Picasso mới xin vào Trường **MỸ THUẬT BARCELONE** (Y-pha-Nho). Theo lệ nhà Trường, các sinh viên muốn được nhận vào học cần phải qua một kỳ thi dài ngày. Picasso gấp gấp hơn ai cả, với bức tranh thi cần vẽ đến một tháng, ông chỉ hoàn thành nó trong một ngày mà thôi. Giai đoạn học tập ở Barcelone đối với Picasso như một mối nợ, một cực hình; những bức tranh sáng tác trong giai đoạn này không gây cho Picasso một hào hứng nào cả và cũng chẳng có một giá trị gì đặc biệt đối với đời. Theo ông, sự giáo-dục Mỹ-thuật chưa hẳn có thể đào tạo nên một **NHÀ HỘI HỌA**; quãng đời học tập trong bốn bức tường với một đường lối giáo-dục cũ-kỹ, chậm chạp về nghệ-thuật thật là một giai-đoạn đầy thử-thách thường kim hãm không cho tâm hồn phát triển... Giữa bạn bè đồng đảo, ông cảm thấy bơ vơ, đơn chiếc; sự bơ vơ đơn chiếc rất cần cho nhà nghệ sĩ và cũng đã bóp nghẹt nhà nghệ sĩ rất nhiều: vào những buổi chiều mênh mông trên bãi biển Barcelone, đứng nhìn cát vàng và mây nước ven bờ biển Địa-trung-hải, Picasso đã tạo nên những bức tranh dở khóc, dở cười, nửa xôn xao thời mới, nửa khép theo mực thước của những đường lối nghệ thuật xưa. Năm mười bảy tuổi, tại chôn nước non xanh thắm này, Picasso có vẽ một bức tranh để là: **« NGƯỜI ĐÀN BÀ BÔHÊMIÊN (La Bohémienne)**. Bức tranh diễn tả một người đàn bà ngồi trên bãi biển, đôi mắt mệt mỏi, nét mặt đượm một vẻ buồn, tuy cảnh vật xung quanh nàng từ tâm xiêm y đến nền trời, mặt nước, cái gì cũng lung linh, tươi sáng. Nhìn kỹ, người ta thấy bức tranh đã văng theo đường lối cấu tạo cổ-diễn kết lại bằng hai góc vuông; một góc do mái nhà đứng phắt tiếp giáp với chiếc thuyền dài nằm theo chiều ngang mà thành; một góc khác, là sự phối hợp của đầu diện nhân vật đóng xuống ngực đó thẳng góc trên hai cánh tay gác qua đầu gối.

Bước đầu được đào luyện tại Trung-tâm nghệ-thuật Barcelone, Picasso cho đó là **« một lò giáo huấn kinh khủng »**. Hai năm sau khi vào Trường Mỹ-thuật Barcelone, Picasso như không còn thấy lý do gì mà lưu lại đây nữa; bảo rằng học thì chẳng học được gì; đi theo chân một nhóm giáo sư tóc thắm, áo đen, cổ gài khít, làm cảm lui về đi-vãng, làm cảm **ĐI NGƯỢC DÒNG THẾ HỆ**, thật là một cách thiếu thân, một điều vô lý đối với chàng trai cường tráng mà cảm xúc, suy tư chưa một lần mệt mỏi.

Để sửa soạn một chuyến đi, và đồng thời để tìm nơi dinh dưỡng của Thiên tài; năm 1897, Picasso bắt đầu vẽ bức tranh triển lãm để là **« KHOA**

**HỌC VÀ BÁC ÁI (Science et charité)** trưng tại thủ đô **MADRID**; năm ấy, báo chí đã bắt đầu đề ý đến Picasso, đồng thời ông cũng được nhận vào **VIỆN CAO HỌC MỸ THUẬT SANFERNANDO**. Nhưng ở Madrid chẳng được bao lâu, ông lại trở về Barcelone, có lẽ vì đô thành trong buổi xế chiều của **NGHỆ THUẬT** không đủ sức mầu nhiệm để cảm chân **MỘT ĐỨA CON TÀI HOA** nhưng **PHONG TÚNG**.

Barcelone so với Madrid tương đối vẫn có phần náo nhiệt hơn, vốn là nơi có nhiều mặt trời, nhiều gió. Và hơi gió Barcelone là một lợi điểm trong cái tam giác giao thông và lịch-sử trên mặt biển **ĐỊA TRUNG HẢI** nối từ **NAPLES** lên **MARSEILLE**. Người ta được biết rằng giai đoạn 1900 đi sâu vào lòng Thế-kỷ hai mươi tại **ÂU CHÂU**, nghệ thuật đã bật khởi huy hoàng trên đất **PHÁP**.

Những con đường từ Cannes, Nice, Marseille, Provence, xuyên qua Paris lên đến tận Bretagne đã đâm rất nhiều mồ hôi và nước mắt của các nhà nghệ sĩ. Tại đất Pháp, những nhà **Họa-sĩ** có biệt tài như **VAN GOGH, GAUGUIN, MATISSE** v.v... là linh hồn của **NGHỆ THUẬT THẾ KỶ HAI MƯƠI**, hoặc tại Cannes, Nice, Provence, Paris hay Bretagne, đó đây họ đã gởi một phần quan trọng cuộc đời xót xa, bi đát của mình. Và nếu buổi chợ đông của Nghệ-thuật **HIỆN ĐẠI** nhóm trên đất **BA-LÊ**, nơi tích tụ của những « gánh » sáng tạo quây từ Nam, Bắc về đó, thì làm sao lại không phải là đám đất chờ đợi của Picasso ?

Picasso đến Ba lê đúng vào năm 1900; Ba lê bây giờ đang ở trong giai đoạn thăng lợi của nền nghệ thuật mới, các nghệ sĩ danh tiếng bốn phương như **BRAQUE, LÉGER, DUFY** cũng tập nập đến trú ngụ tại đây.

Rời những đô thành ánh sáng Barcelone, Madrid để đi đến Ba lê, một đô thành khác huy-hoàng và náo nhiệt hơn; như vậy chúng ta biết Picasso không phải đi tròn òn ào, náo nhiệt, mà trái lại, đã lao mình vào đó với tất cả hứa hẹn và hăng say của chàng trai nồng nàn tuổi hai mươi.

Tiếng gọi của nhân loại lâm than, nhan sắc và hình dáng của những mẫu đời sức mẽ, méo mó, cười ra nước mắt, khóc nên giọng cười, đã thúc đẩy Picasso ghi chép, sáng tạo; việc làm hồi hả, cấp bánh cho kịp, tợ hồ như sự những cảnh tình dị kỳ, ngang trái đó ngàn năm không hai lần xuất hiện trên cõi Trán.

Đôi cảnh sinh-tình, cảnh là cảnh lâm than, bi đát của Nhân-loại, thì Tình cũng không ngoài tình xót thương Nhân loại, đây là chiều hướng tình cảm Picasso đã phát lộ ngay từ khi Nghệ Thuật đang ở giai đoạn cấu tạo buổi Thiếu Thời.

#### KỶ SAU :

**MÔI TINH NHÂN LOẠI GỢI VÀO MAU SẮC.**

**NGHỆ THUẬT THỜI XANH VÀ NGHỆ THUẬT THỜI HỒNG.**

## TRIỂN LÃM HỘI HỌA

LẬP TRƯỜNG hân hạnh giới thiệu **PHÒNG TRIỂN LÃM HỘI HỌA** của ba Họa-sĩ trẻ tuổi :

— **ĐINH-CƯỜNG**  
— **TRỊNH CUNG**  
— **TÔN-NỮ KIM-PHƯỢNG**

tại phòng Triển-lãm Đô-Thành, 165 đường Tự-Do —Sài-gon trong tháng 5-1964.

Ba Họa-sĩ đều là sinh-viên ưu tú của Trường Cao-đẳng Mỹ-Thuật Huế — Sau khi tốt nghiệp, họ vẫn hăng say học hỏi và sáng tác :

— **Bạn ĐINH CƯỜNG**, sinh năm 1939 tại Thu đầu một, Huy chương Bạc phòng Triển lãm Hội-Họa Mùa Xuân Sài-gon 1962. Giải thưởng Triển lãm Mỹ-Thuật Quốc-Tê lần thứ nhất tại Sài-gon 1963. Tranh được chọn bày ở Phòng Họa sĩ trẻ Quốc-Tê Bảo tàng viện cận-đại Balé, lần thứ ba.

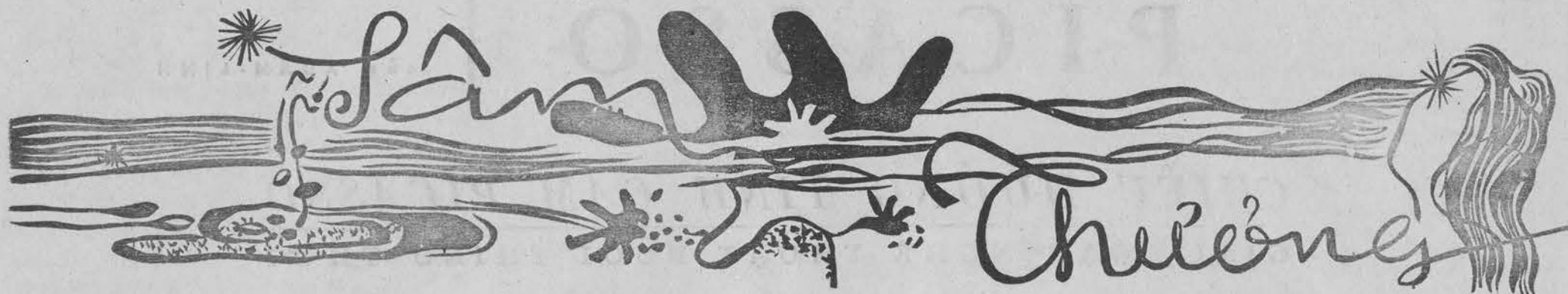
— **Bạn TRỊNH CUNG**. Tên thật Nguyễn Văn Liễu, sinh ở Khánh hòa năm 1939; bằng danh dự Triển lãm Mỹ-thuật Quốc-Tê lần thứ nhất tại Sài-gon 1963. Huy chương đồng phòng Triển lãm Hội-Họa mùa xuân Sài-gon, 1963. Tranh được chọn Triển lãm ở Bảo-Tàng viện Cận đại Ba-lê.

— **Bạn TÔN-NỮ KIM-PHƯỢNG**, sinh năm 1941 tại Phú-Cát, Huế, Huy chương danh dự của **VIỆN ĐẠI HỌC HUẾ**.

Giai đoạn đầu: Người đàn bà Bôhêmiên (1898)



nhất lễ



(Tiếp theo)

**M**IỀNG cũ rêu trôi nổi. Không, Nhi thường bảo hân : « Anh là miếng gỗ trầm hương. Tìm anh cũng như tìm trầm. Tìm anh phải ngâm ngải ! » Và hân chỉ cười. Nhưng giờ đây hân không muốn tách mình riêng biệt ra làm miếng gỗ trầm hương. Hân muốn được hòa tan vào trong bao nhiêu trời nổi đó. Bên ngoài. Trong đêm. Trong tiếng bánh xe nghiền nát những con đường. Trong tất cả vỡ tan của một thế trận, của một con đê; trong những tiếng kêu vĩnh biệt; trong những im lặng uất hờn. Ý muốn làm cho hân thức tỉnh. Ý muốn làm cho cơ thể bớt mê man. Hoài niệm làm cho hân vui lên trong đau khổ : « Tìm anh cũng như tìm trầm ». Sao Nhi lại tìm hân ? Và tìm từ bao giờ ? Tìm ở đâu ? Tiếng nói của Nhi cho hân thấy tất cả riêng biệt của hân giờ đây. Vào tù, đầu hân có muốn bị nhốt riêng ! Thế mà vẫn bị sa xà lim ngoài ý muốn. Vì ở chung là một hạnh phúc. Được trôi theo dòng nước lụt là cả một cảnh cực lạc rồi ! Cực lạc của trần gian chính là sự đồng hòa bình thường ấy. Hân ao ước được đồng hòa thế. Nhưng đã lỡ, đã chậm mất rồi ! Nhi đã tiên định cho hân một vị trí. Vị trí hân là của Nhi. Và khi Nhi đã quyết thì cuộc đời không làm sao đi trái ngược được. Bằng chứng là hân đang nằm giữa xà lim. Bằng chứng là hân đang bị riêng biệt ! Cuộc đời như phải theo Nhi mà nhốt riêng hân ra một cõi. Hân không được là của Nhi thì cũng chẳng được của ai ! Hân làm một mảnh ở lại. Nhưng không phải là mảnh cũ rêu ! Mà chính là miếng gỗ trầm hương : « Tìm anh phải ngâm ngải ! » Hân chống hai tay và cô ngồi dậy. Sức yếu ớt, nhưng hân vận dụng tất cả can đảm còn lại của cái lưng. Hân ngồi dậy được. Và dựa lưng vào tường. Hân thờ đành phào một cái ! Giờ đây thì hân tỉnh được rồi ! Hân cố nghe để mà chia sẻ. Hân thấy số phận hân liên kết mật thiết với những kẻ ngoài kia. Những kẻ phải đi. Đi đâu ? Hân không biết. Nhưng hân đoán chừng là ghé góm lắm. Đi đây, đi nước độc, đi làm công trường hay đi thù tiêu ! Mà sao lại không thể bị thù tiêu. Đêm hôm thế này. Hân rằng mình nhớ lại những hăm chôn người của Đức Quốc Xã, của vụ thảm sát Katyn sau khi Staline chiến thắng Ba-Lan ! Cũng những đoàn người ra đi. Cũng trên những chiếc xe nhà binh hết tình hết nghĩa. Rồi những tràng đạn lửa. Rồi những loạt máu phun. Những vôi máu ngấm vào lòng đất. Rồi xác lịm trong rừng sâu. Ủ màu với đất. Và rồi sẽ hết. Lịch sử có biết đến thù cũng đã chuyện qua rồi. Quá khứ vẫn chỉ là một sự thương tâm. Trong lai có buộc tội vẫn không làm sao an lòng kẻ chết. Ra đi là bị thua rồi ! Tiếng kêu tên vẫn tiếp diễn. Hân cố lắng tai nghe một tên quen. Nhưng trường đá quá đầy. Tiếng loa làm âm vang loảng đi. Và hân không nghe được tiếng nói. Tiếng dội vào loa vào trường như cũng vỡ ra từng mảnh ! Và tiếng bị vỡ rồi thì làm sao chấp lại để nghe. Tên họ lần lượt trôi qua, tiếng người vẫn kêu, xe vẫn nổ. Hân hình dung những thân hình tiêu tụy đói cơm khát nước đã bốn năm ngày nay đang bị tổng lên những chiếc G.M.C. nặng nhọc đang phi ga chạy ! Những nhà tù trôi nổi trong đêm. Những tên lính gác mặc áo rằn ri, đầu đội mũ sắt, giờ đây chắc đang đi súng vào những đoàn người

ngơ ngác. Tội nghiệp. Họ có làm gì nên tội ! Thế mà ngày ngày hân vẫn nghe những danh từ « phân loạn » « côn đồ », « con buôn chính trị » ! Thậm chí có lúc lại chụp mũ « Việt Cộng » lên đầu lên cổ những con người từ khi sinh ra đến lúc lớn lên chưa từng biết Việt Cộng là gì ! Tâm hồn hân bắt đầu sôi dậy ! Hân nhớ

Sao mà ngủ dễ quá vậy ? Hân tỉnh rồi. Hân không biết phải làm chi đây trong đêm tối. Hân không cảm thấy có một nhu cầu gì. Hân cảm thấy hân là cả một sự thừa thãi. Sao lại hiện hữu thế này ? Thế giới có phải chỉ là những lần phụ thuộc ? Con người sinh ra đã là phụ thuộc. Và vì phụ thuộc cho nên hân bị

lại cuộc tra tấn ban chiều. Chừ thì hân nhớ rõ rồi ! Hân bị tra điện đèn ngất ! Máu trào ra ở hai lỗ mũi. Tên thật bệu vẫn chưa chịu thôi. Vẫn cứ đòi đổ nước thêm vào. Đèn đó thì hân không biết chi nữa cả. Hân chỉ nhớ rõ có đèn đó. Thế mà hân cho mình nhớ rõ ! Hân đâm ra nghĩ ngợi hân. Và lo sợ cho chính hân. Vì hân chưa biết phải khai gì đây. Chắc hân bị khiên về. Hay vác về ? Chắc là chúng bỏ vào xe thùng và chửi về khu trời tối. Xe hồng thập tự chứ ! Để che mắt mọi người ! Để xung quanh hân cho rằng hân vừa được đi bệnh viện về ! Nhưng chẳng ai làm được cả ! Ở sở mật thám mà leo lên xe Hồng Thập Tự là đi vào cửa chết. Là đi đóng Thập Tự ! Trên mình mấy hân còn ran lên những xao động của một cuộc đóng đinh. Nhưng ở đây, chúng nó có chịu cho hân chết đâu ! Được chết còn là một phước đức. Nhưng tìm cho ra sự thật nơi hân, lũ người kia chưa chắc đã đạt ý muốn của mình ! Và hân nghĩ là phải nói quanh. Thế nào rồi cũng phải nói. Nhưng nói sao cho trôi tròn. Cái khó khăn không phải là nói ra. Nhưng nói ra cái định mệnh của mình thì chẳng ai đại gì mà nói. Nói những gì chúng đã biết. Thì phải biết là chúng đã biết gì ! Tốt hơn là để chúng tự nói ra những gì đã biết, và dựa vào đó hân nói lại những gì chúng đã biết rồi ! Hân nghĩ được như vậy. Bỗng nghe tiếng gõ ở phía trước trước mặt. Bức tường biết nói. Cửa người bạn đồng hành ở một bên ! Tiếng gõ dồn dập, như kêu như gọi ! Tiếng gõ van lơn cầu mong đáp lại. Có lẽ người bạn sợ hân chết rồi chăng ?

Hân sức nhớ đến người bạn đồng hành. Chắc đang muốn biết tin hân. Chắc không còn nghe hân ho, không còn nghe hân có một cử động chi từ chiều đến giờ. Nên đâm ra lo lắng. Hân cố ho một tiếng mà không làm sao ho được. Cả xương quai hàm của hân như cứng đờ. Và cổ họng khô ran. Hân thấy khát nước. Mấy ngày nay hân cũng khát nước. Nhưng chưa bao giờ hân khát bằng chừ. Người hân khô như một con lạc đà giữa sa mạc. Không biết hân có trích trữ được lượng nước nào không. Con lạc đà ngã khụy. Nhưng đầu vẫn vươn cao. Đôi mắt vẫn long lanh. Ánh sáng vẫn ở trên đầu. Tìm cho ra ánh sáng nơi hân phải là người có thần lực. Thì sá chi những tên thâm vân. Đã dùng cực hình để tra tấn hân. Hân không sợ mà còn rờ khinh. Một sự khinh bỉ không nói ra, nhưng vẫn đọc được trong từng im lặng, trong từng cái nhìn của hân. Có lẽ biết vậy, nên chúng mới dùng đến cực hình. Tiếng gõ tới tấp. Đây là những cú đâm vào tường. Người bạn bên như hoảng hốt. Nằm cạnh một sự trống không hay một thi hài ? Chắc người bạn bên đang tự hỏi. Hoặc hân đi rồi, hoặc hân đã chết — Hân « à » một tiếng vang động cả xà lim. Nhưng không biết bên kia có nghe được không ? Hân thu hết sức tàn ho khàn thêm vài tiếng. Và tự nhiên người bạn hết gõ. Hân nghe một động ngấm thơ. Rồi vài câu hò mái chèo. Người bạn như sung sướng biết hân còn sống, như vui mừng biết hân còn bên. Chứ có biết đầu đèn cảnh hải hùng mà hân vừa chịu đựng. Rồi im lặng trở về. Tiếng ngáy vang lên !

vào đây. Hân phải vào đây. Con đường đi nhất định phải thế. Hân thấy thế từ khi đặt chân tới đất Sài Gòn ! Những ý nghĩ đầu tiên của hân về chế độ vẫn là những ý nghĩ cuối cùng và dứt khoát. Độc tài, phong kiến, quan liêu, xua nịnh. Chúng nuôi dưỡng cả những tội ác, kể cả chiến tranh. Mà bề mặt vẫn phô trương đạo đức. Giả dối tuốt — Lão tuốt. Thế mà hân lại về đây. Nhưng hân không bao giờ tự trách cả. Đắt nước là của mình. Dù đẹp hay dù không đẹp. Kháng khít với quê hương vẫn là ý thức của con người muốn sống vì một ý nghĩa. Ngày ra đi có Nhi. Ngày về còn có Nhi hơn. Giữa hai thế có Nhi, thế nào cũng đẹp. Quê hương chính là con đường ấy, con đường đi từ Nhi đến Nhi, nghĩa là con đường đi từ Nhi đến hân. Thì làm sao hân ở lại được với trời Tây. Nơi đây là ánh sáng của phương đông. Nơi đây là nơi mặt trời mới mọc. Ánh sáng đầu tiên. Lớp sóng đầu tiên. Hân về giữa thế giới đầu tiên của quá khứ. Quá khứ xưa là như thế, mà vẫn có cái đầu tiên của mặt trời chói dọi trên giải đất này ! Hân không bao giờ hối hận. Quê hương dành cho hân những ngày tìm nước hện, vì hân xem đây là nghiệp duyên : nghiệp tình và duyên đạo. Đức Tin vẫn là một cái nghiệp. Cái nghiệp được tin, vì có lẽ đây là cái nghiệp cuối cùng của vòng duyên nghiệp. Hân âm thầm cầu nguyện. Nhưng mắt hân như bị chói bởi bóng đêm ! Chối bởi bóng đêm ? Chối vì một màn đen dày đặc ? Chuyện đời trôi qua trước mắt. Không sáng thành một bóng hình gì cả. Từ khi bị bắt giam hân vẫn chưa được ai hỏi thăm. Hân không còn bà con thân thích. Chưa được ai bới xách, hân chưa được ngoài đời chiều cổ cho một bữa cơm. **EM ĐI Đâu TRON Mây NGÀY LIỀN ?** Em là ai ? Nhưng EM là ai mới được ! Câu hỏi vang lên tận đáy lòng. Rồi dội giữa thâm u mà không có một lời giải đáp. Em vẫn là một Vô Thế. Một vô thế của những gì khát khao hữu thế trong chiêm cứ một đôi tượng của cuộc đời. Mà hân, với hân thì chỉ có bơ vơ. Bơ vơ làm nên hân. Đợi một bữa ăn đượm tình. Đợi một lát bánh mì, một lát cơm bới. Hay chỉ cũng được. Miễn là của người thân gọi lại. Xa xôi sẽ trở thành gần gũi. Cách ngăn sẽ đi tới chung cùng. Như tù không mở rộng để đón khách thập phương. Hân biết vậy cho nên cái đầu thương nhớ. Buổi mai ấy người bạn đã nói với hân : « Tên cậu có trong danh sách những thằng bị bắt trước tiên. Chúng nó muốn chặt cái đầu để chặn đứng phong trào tranh đấu » Hân mỉm cười, vẫn nụ cười hiền dịu : « Thế à ». Như một lời trấn an. Hân chỉ trôi lại với đời chừng đó mà thôi. Nghĩa là hân vẫn đợi chờ bị bắt. Mai ấy trời nắng vàng như đại. Mặt trời đỏ ôi và cây cỏ thêm quang. Thế mà giữa lòng hân như mọc cỏ non. Màu xanh cỏ non chớm lên. Sơ sinh của màu sắc. Hân nhìn thời gian như một màu mới liện, màu ngọc của những năm mờ mới mọc cỏ, màu cuộc đời đang đứng lại và trôi lên từ lòng đất khô khan. Nghe tên mình có trong danh sách những người bị bắt. Hân cảm thấy uất nghẹn. Không phải vì hân sợ hãi. Mà hân tự nhận phải giả từ. Giả từ giữa một biển cuồng thiêu người thừa kẻ. Hân không thể để lại đầu tranh. Hân chỉ để lại tình thương. Ngọt như sữa, tươi xanh như cỏ mới lên ! Trong tương lai có thể là nằm mồ của hân. (còn nữa)

# LÁ THƯ NGỎ

CỦA THƯỢNG TỌA THÍCH TÂM CHÂU VIỆN TRƯỞNG VIỆN HÓA ĐẠO

VIỆN HÓA ĐẠO  
CHÙA AN QUANG  
243. SU-VAN-HANH  
CHỢ LỚN  
ĐT : 36.715

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT-NAM THÔNG NHẤT

Sài-gon, ngày 19 tháng 5 năm 1964  
Số : 01116-VT-vVP

Kính gửi Quý Ông Chủ-nhiệm các Nhật-Báo tại Thủ-Đô Sài-gon

Thưa Quý Ông Chủ-Nhiệm,

Trước hết chúng tôi xin cảm ơn Quý Chủ-nhiệm trong thời gian trước đây đã dành cho Phật-Giáo chúng tôi rất nhiều thiện chí và chúng tôi tưởng thiện chí ấy không bao giờ thay đổi.

Nhưng gần đây, có một số Nhật-Báo vô tình hay hữu ý cho đăng những bài báo có ảnh hưởng không mấy lợi ích cho Phật-Giáo mà người đời có thể lầm tưởng đó là một chiến dịch hay một phong-trào hoặc trực tiếp hoặc gián tiếp có ảnh hưởng bất lợi cho Phật Giáo hiện tại.

Chúng tôi mong rằng Ông Chủ-nhiệm sẽ lưu ý hơn nữa về thiện chí của Ông đã dành cho chúng tôi lâu nay để giúp phần nào cho chúng tôi làm tròn sứ mạng xây dựng nền tín-ngưỡng dân-tộc và phục-vụ đất nước.

Trân trọng kính chào Ông Chủ-nhiệm.

Viện-Trưởng Viện Hóa-Đạo

Thượng-Tọa THÍCH TÂM CHÂU

## ĐỪNG VUNG PHÍ SỨC MẠNH QUẢNG ĐỨC

Có một bọn phản-động đang âm mưu gây chia rẽ giữa người Việt Nam và người Việt Nam. Chúng muốn nhân ngày lễ Phật Đản này xúi dục những hiểm-khích nhỏ-nhen cốt để gây nên những bạo-động làm mất ý nghĩa thiêng-liêng của Ngày Rằm Trọng Đại. Chúng ta phải nên sáng suốt để phòng đề khỏi mắc mưu những kẻ đó. Chúng ta phải hết sức bình tĩnh để Ngày Rằm Tháng Tư luôn luôn là Ngày của Từ Bi và Trí Tuệ. Sức mạnh của chúng ta là Sức Mạnh QUẢNG ĐỨC, chứ không phải là sức mạnh của những kẻ vũ-phu. Con sư tử khi nằm yên trông có vẻ hiền lành, nhả nài, nhưng khi đã quắc mắt thì cả núi rừng rung chuyển. Chúng ta cũng vậy, mỗi khi đã phản ứng thì quật ngã cả một chế-độ, chứ không bao giờ cần bận tâm đến những hiểm khich ty tiện cá nhân.

Đừng phung phí sức mạnh đó trong lúc chưa cần đến. Hãy giữ sức mạnh đó trong lòng để hoàn thành những việc vĩ đại hơn.

LẬP TRƯỜNG

## NGÔN NGỮ NHẬT LINH

(tiếp theo trang 7)

Anh đã thấy tất cả nghiệp chương của cõi Ta Bà, vì thế Phật tính ở trong Anh đã chớm nở như những đóa sen ngôn ngữ, tìm cho con người một dự ước, cái dự ước giải thoát khỏi những viễn tượng tù ngục của thế gian này. Tiếng nói của Anh vì thế chính là tiếng nói của giải thoát, tiếng nói của một tâm linh tự giác đang thấy tất cả sự chuyển dịch đó của cuộc đời, một sự chuyển dịch không ra khỏi vòng luân hồi này, cho nên phải nghĩ về một thế giới nào như một cứ điểm thứ hai của một kiếp sau mà ta sẽ đến :

« Thiên thai cũng là hư vô... Thiên thai là một thứ gì đẹp lắm mà lòng ai cũng mơ ước nhất là hiện giờ trên gần khắp thế giới họ đang đâm giết nhau »

(Giòng Sông Thanh Thủy — Chi Bộ Hai Người — 160)

Anh thấy không, ý tưởng của Anh chính đã là sự ước mơ đó. Ước mơ giải thoát, một ước mơ thoát ra từ khổ đề của cuộc đời, của con người, và càng đến cuối đời, càng đến cùng công trình nghệ thuật và sự nghiệp, Anh càng thấy rõ ra như một con đường sáng. Không phải là một con đường sáng nắng, mà chính là một con đường sáng dịu tâm ảnh trắng hiện, đó là con đường hiền hòa dịu dàng của tâm linh đang vươn

## ĐÈN TRỜI CŨNG NHẮM MẮT...

(tiếp theo trang 10)

thương, cô độc hành hạ tôi mỗi ngày, mỗi giờ. Nhưng khi đèn quận hắt trú đóng, tìm ra chỗ hắt ở thì tôi mới hay người ta vừa chôn hắt hôm qua. Hắt bị địch phục kích giết chết trong một cuộc tuần tiêu hằng ngày. Người ta chỉ nơi chôn hắt cho tôi. Tôi ngồi với hắt hai ngày bên chiếc mộ mới, không còn nước mắt để mà khóc nữa.

— Giờ phút cuối cùng của anh, tôi hỏi anh có nhân, có muốn gọi ai không. Anh lắc đầu, ứa nước mắt. Một lúc sau anh nói với tôi, anh chết, đừng nhân với ai cả, nhưng nếu có một người đàn bà tên Kiều Liên đến hỏi anh thì nói dùm anh rằng mãi mãi anh còn yêu thương người ấy. Và anh không giận hờn, oán trách chi cả. Đó là những lời cuối cùng của hắt mà người đơn vị trưởng của hắt đã kể lại cho tôi nghe. Ở với hắt mấy hôm, tôi ra đi, và quyết định không trở về Sài-gon, không trở về căn nhà cũ của tôi nữa.

Tôi đến tỉnh nhỏ này, thuê một căn nhà, một chị giúp việc, ngày ngày quanh quẩn với Lisa, Dop, con chó, con mèo tôi đem theo. Tôi không còn ham sông, hình ảnh hắt, nhớ thương hắt, tình yêu hắt ám ảnh tôi mỗi giờ mỗi phút. Tôi đợi chờ, và không biết mình đợi chờ gì nữa. Nhiều lúc tôi tin hắt còn sống thực như hắt đang sống trong tôi, trong tư tưởng, trong thân xác tôi. Và tôi quyết định theo hắt.

Giấc ngủ đang đến với tôi, giấc-ngủ-Gardénal. Sáng mai chị ở lên thức tôi dậy chắc tôi không còn nữa. Lượng thuốc mạnh lắm và tôi tin tưởng ở hiệu lực của nó.

— Anh ơi, em theo anh đây. Không còn chi hãm dọa mình nữa phải không anh. Xin anh đón em, nhận em như những ngày đêm âm thuở nào.

Mắt tôi riu lại rồi đây. Người tôi bái hoái, nhìn lại cuộc đời sắp già từ tôi thấy không có chi để luyện nhớ, có chăng là Lisa và Dop, hai con vật chẳng bao giờ hành hạ tôi, chẳng bao giờ làm khổ tôi. Già từ già từ thân phận, tôi đi tìm tình yêu đây...

CHUNG HOÀNG

5-64

lên để còn đạt tới, đó là con đường diệt hết những căn dục sân si của nghiệp chương mà vượt đến bằng ý thức, cái thế giới của ước mơ :

« Trăng mười bảy và trời lại trong nên rã xuống mặt hồ một làn ánh sáng trông phảng phất như một con đường dẫn lối đến Thiên Thai... »

Nàng báo Ngọc : Con đường ánh trăng sáng này nếu cứ đi theo mãi thì sẽ tới Thiên Thai.

(Giòng Sông Thanh-Thủy — Chi-Bộ Hai Người — 160)

Con đường giải thoát chính là con đường mơ ước ấy. Con đường ánh trăng. Con đường ánh sáng trong đêm. Và đêm tối chính là căn do để cho Anh thấy rõ con đường Ánh Sáng ấy. Đây là con đường của lẽ phải mà Anh đã gặp trong ước mơ, một thứ Ánh Sáng sáng lên để cho Anh « ngấm một thứ gì rất đẹp trước khi chết... » (Giòng Sông Thanh Thủy — 148) như Anh đã ngấm được ánh sáng của lư Từ Bi để giúp Anh « tự hủy mình cũng như Hòa Thượng Thích Quảng Đức tự thiêu... » (Di chúc) đem lại Ánh Sáng Tự Do cho bao nhiêu tín hữu và chiến hữu ngay giữa mùa Pháp nạn.

Sự Cờn-Mặt, Có-Không của Anh đã chứng quá trên con đường tìm đến Thiên Thai, và Anh đã đi theo « con đường ánh trăng sáng này » để tìm ra chân lý của một Thiên Thai mà anh chắc rằng sẽ tới :

— Con đường ánh trăng sáng này nếu cứ theo mãi thì sẽ tới Thiên Thai... »

LÊ TUYẾN

# XẢO NGÔN VÀ

Xưa nay, Hoa kỳ vẫn thường tuyên bố ủng hộ Việt nam trong công cuộc trường kỳ chống Cộng. Sự ủng hộ ấy được quan niệm trên ba phương diện : về chính trị thì ủng hộ và viện trợ tinh thần cho một Chính-phủ chống cộng có sự tín nhiệm của Hoa kỳ; về kinh tế thì viện trợ hàng hóa làm hậu thuẫn tài chánh cho sự sinh tồn của Chính-phủ được tín nhiệm; và cuối cùng là về quân sự, thì viện trợ khí giới, đạn dược và cả người nữa để cùng sát cánh diệt kẻ thù chung. Chánh sách Hoa kỳ ở Việt Nam vì thế có thể xem chỉ là một chính sách chống cộng trên ba phương diện chính-trị, kinh-tế và quân sự—nhưng thật ra thì chính sách ấy không bao giờ được rõ rệt, chỉ vì Hoa kỳ không thể có được một chính-sách chống cộng như thế nào ! Cho nên không thể chỉ tuyên bố chống cộng mà đủ, mà chính phải **CHỐNG CỘNG NHƯ THẾ NÀO ?** Hay nói rõ hơn, **DỰA VÀO NHỮNG LỰC LƯỢNG NÀO ĐỂ CHỐNG CỘNG ?**

\* \* \*

## I.—ÔNG LODGE BỔ NHIỆM QUỐC TRƯỞNG ?

Muốn chống cộng tất nhiên phải dựa vào dân, nghĩa là tranh dân với Cộng-Sản. Tranh dân với Cộng-sản nghĩa là tranh cái mà Cộng-sản gọi là «hạ-tầng-cơ-sở». Và muốn có Dân thì phải được lòng dân. Hoa kỳ phải ủng hộ một Chính-phủ chống cộng do **DÂN TÍN NHIỆM**, chứ không phải chỉ do người Hoa-kỳ tín nhiệm mà đủ ! Kinh nghiệm của người Pháp có lẽ chưa làm cho người Hoa-kỳ mở mắt. Trong chín năm chinh chiến ở Việt-Nam, từ 1945 đến 1954 người Pháp chỉ lập ra những chính-phủ do họ tín nhiệm lấy. Và những chính-phủ ấy, thay vì chống Cộng đã lợi dụng Cộng-sản để đàn áp nhân dân Việt-Nam. Kết quả của nền chính-trị ngu xuẩn của nước Pháp là Điện Biên Phủ, một sự đầu hàng nhục nhã và gần như vô điều kiện của quân đội viễn chinh, đưa đến hiệp định Genève cắt đôi nước Việt. Người Pháp ra đi trong thảm bại, và người Mỹ ủng hộ sự độc lập của nhân dân Việt-Nam, muốn chia sẻ cùng quốc gia Việt-Nam gánh nặng chiến tranh vì lý tưởng tự do dân chủ. Nhân dân Việt-Nam đương nhiên cảm phục tâm lòng hào hiệp đó của Hoa-kỳ, nhưng chỉ tiếc rằng Chính-phủ Hoa-kỳ đã làm cho nhân dân Việt Nam thất vọng. Nói thế, không có nghĩa là vong ân, nhưng có những sự thật cần phải được nói ra để thấy rõ lỗi lầm mà sửa chữa. Vô tình hay hữu ý, Hoa-kỳ cũng đi vào vết xe xưa của người Pháp ở đây. Đó là sự ủng hộ một chính-phủ phản dân chủ do một dòng họ độc tài nắm giữ, và vận mệnh của dân tộc Việt-Nam cũng như tiềm lực chống Cộng, Hoa-kỳ đã giao phó cho trọn một gia đình. Cuộc đảo chính 11-11-60, cuộc ném bom Dinh Độc-Lập 27-2-1962, cuộc đấu tranh của Phật-giáo toàn quốc, cuộc chính biến 1-11-63 tưởng đã làm cho người Hoa-kỳ thức tỉnh và ôn lại chính-sách ở Việt-Nam. Nhưng không, người Hoa-kỳ như không chịu thức tỉnh và còn làm phẫn uất dân tộc Việt-Nam hơn khi có những lời tuyên bố lộ liễu, không đem xia gì đến lương tâm dân tộc Việt-Nam, không tôn trọng gì đến phẩm giá và danh dự của người Việt-Nam, và thậm chí phi báng cả công trình đấu tranh của dân tộc Việt-Nam để tận diệt chế độ gia đình Ngô đình Diệm ! Đó là lời tuyên bố của đại-sứ H. Cabot Lodge. Lời tuyên bố ấy tuy chỉ là những lời tuyên bố nhớ lại cuộc chính biến 1-11-63 nhưng đã làm cho nhân dân Việt-nam vô cùng tủi nhục. Tủi nhục vì nhân dân Việt-Nam cảm thấy mình làm cách-mạng để cho người Hoa-kỳ muốn đặt ai lên làm Quốc-Trưởng thì làm ! Và nhân dân Việt-Nam làm cách-mạng để lật đổ chính thể độc tài khát máu Ngô đình Diệm để cho ông Cabot Lodge lại đặt ông Diệm lên đầu lên cổ nhân dân Việt-Nam :

« Tôi tin chắc rằng chúng tôi có thể thảo luận với nhau về lời hứa hẹn này (lời hứa hẹn của ông Cabot Lodge với ông Diệm đưa ông Diệm tròn khời Việt-Nam) và tôi cũng có đủ lý do tin rằng các tướng lãnh sẽ vui lòng nhận ông Diệm trở lại chức Quốc trưởng ! » (Time, 15-5-1964)

Bao nhiêu máu đổ trong 9 năm trời, bao nhiêu công trình để lật đổ một chế độ mà nhân dân phi nhỏ, đến ngày cuối cùng vẫn còn được người Hoa-kỳ không biết đến, vẫn bị người Hoa-kỳ thờ ơ lãnh đạm để chỉ lo cứu nguy cho một mình ông Diệm ! Và cứu nguy chưa đủ, người Hoa-kỳ, qua lời tuyên bố của Đại sứ Cabot Lodge lại còn muốn đưa ông Diệm trở về làm Quốc-Trưởng, nghĩa là cho ông Diệm hưởng trở lại cuộc cách-mạng của dân tộc Việt-Nam. Như thế thì trước cũng như sau, Hoa-kỳ chỉ ủng hộ ông Ngô đình Diệm và tập đoàn phong kiến độc tài của ông ta chứ có ủng hộ gì nhân dân Việt Nam đâu ! Hoa-kỳ muốn cho dân Việt-Nam chiến thắng Cộng, mà lại

cứ phải đeo bòng cái trở lực chống cộng của nhân dân là ông Diệm, đeo bòng ông Diệm và đeo bòng thêm hết cả gia đình họ Ngô ! Đó là một cái tát vào dân chúng Việt-Nam sau 6 tháng cách-mạng, làm cho nhân dân Việt-Nam có cảm tưởng rằng Hoa-kỳ chưa dứt khoát được với chế độ cũ, chưa dứt khoát được với bóng ma ông Diệm và đang cố làm một cái gì đây để nuôi dưỡng hay tạo thành **CÁI DIỆM KHÔNG CÓ DIỆM** trên chính trường Việt-Nam ! Ông Ngô đình Diệm là ai, đại sứ Cabot Lodge có biết không ? Đó là một kẻ vong quốc đã trốn ra khỏi nước Việt-Nam suốt 9 năm mà nhân dân Việt Nam đã kháng Pháp và chống Cộng từ 1945 đến 1954. Đến khi người Pháp thất trận, cuộc kháng Pháp đã thành công, thì ông Diệm được người Hoa-kỳ đưa về hưởng xương máu kháng Pháp và kháng Cộng của nhân dân Việt-Nam. Ông Diệm đã cướp công kháng chiến giành độc lập của nhân dân Việt-Nam. Ông Diệm cũng đã cướp công kháng Cộng của nhân dân Việt-Nam. Ông Diệm chỉ là một kẻ thừa hưởng cả cái gia tài Việt-Nam mà không góp một chút mồ hôi, công sức. Thế mà chín năm vừa qua ông Diệm đã ra tay bóc lột và tàn sát nhân dân Việt Nam. Cả gia đình ông Diệm đã làm cho nước Việt Nam điêu đứng, đã chia rẽ tôn giáo, đã tiêu diệt các đảng phái, đã ly tán lòng người làm cho cuộc chiến tranh chống cộng mất hết cả ý nghĩa và hạ tầng cơ sở do đây mới bị Cộng Sản thừa cơ lên lời phá hoại cho đến bây giờ !

Chống Cộng là tranh Dân ! Vậy Hoa-kỳ giúp chính phủ Việt Nam tranh dân được hay không, hay chỉ tranh lấy Ông Diệm làm một thứ của riêng, mà đến nay mỗi khi nói đến, nhân dân Việt-Nam vẫn còn ngờ vực. Nhân dân Việt-nam đón nhận người Hoa-kỳ như những người bạn chân thành, nhưng những người bạn chân thành bao giờ cũng chỉ là những người bạn ! Chủ nhân của nước Việt vẫn là nhân dân Việt-Nam chứ không phải một cá nhân nào. Tận diệt chánh sách ủng hộ cá nhân, lúc đó Hoa-kỳ mới có thể có một chính sách chống cộng hữu hiệu. Ngày nào mà vẫn còn những tiếng nói luyên tiết chế độ cũ, ngày đó Hoa-kỳ còn phải xa cách dân tộc Việt-Nam.

\* \* \*

## 2.—ÔNG «MÁC» BỔ NHIỆM TỈNH TRƯỞNG ?

Hoa kỳ thường tuyên bố ủng hộ chính-phủ Việt-Nam được sự tín nhiệm của Hoa-kỳ. Và như thế đương nhiên chính-phủ đó phải thi hành một chính sách hợp với chính sách Hoa-kỳ. Hoa kỳ quên rằng, mọi chính-phủ Việt-Nam, dù được sự tín-nhiệm của Hoa-kỳ đi nữa, cũng phải có một chính sách Việt-Nam. Hoa kỳ là Hoa-kỳ, Việt-Nam là Việt-Nam — không thể có một cái phương trình chính trị đơn giản Việt-Nam là Hoa-kỳ ! Nếu thế thì Việt-Nam chỉ việc xin gia nhập Hiệp Chúng Quốc để thành một ngôi sao của Hoa kỳ cho xong chuyện ! Và như thế đi nữa, Hoa-kỳ, chính-phủ liên bang vẫn phải tôn trọng quyền tự quyết của một dân tộc tiểu bang ! Thế mà ở đây, chúng ta thấy vấn đề Quốc-trưởng Việt-Nam như ở trong tay ông Đại-sứ Mỹ. Ông Đại-sứ Mỹ có cái nhĩa ý thương thuyết với các tướng lãnh Việt-Nam để ông Diệm về làm Quốc-Trưởng; may ra ông Diệm chết rồi, chứ ông Diệm còn sống thì ông Diệm đã được người Hoa-kỳ đặt lại cai trị dân tộc Việt-Nam một lần thứ... ba ! Như vậy là Hoa-kỳ có một chính sách ở Việt-Nam, và thi hành chánh sách ấy, bắt chấp cả đến nguyện vọng và quyền dân tộc tự quyết của dân tộc Việt-Nam ! Như thế là phản bội lại Hiến chương Đại Tây Dương của cố Tổng Thống Roosevelt và phản bội lại các nguyên tắc nhân quyền và dân quyền của Liên Hiệp Quốc ! Và như thế nghĩa là Hoa-kỳ đã vi phạm vào nền nội trị quốc gia Việt-Nam — Như thế chưa đủ, gần đây, trong chuyến công du của ông Mac Namara tại Việt-Nam, ông Bộ-Trưởng Quốc-Phòng Mỹ có nhĩa ý than phiền về nền hành chính Việt-Nam : « Từ ngày 1 tháng 11 tới giờ, trong 41 tỉnh thì có 35 tỉnh đã thay đổi Tỉnh trưởng. Và cũng từ ngày đó, có 9 tỉnh hình như đã thay đổi tỉnh trưởng tới 3 lần ». Ông Mac Namara có quyền biết điều đó.

Biết điều đó để cảm thông với những nỗi khó khăn mà Chính-phủ Việt-Nam đang gặp phải, nhưng nói ra điều đó trước báo chí thật ông Mac Namara chưa hiểu thấu được cái tệ nạn của nền chính trị Đông phương ! Có những cái biết mà phải nói là không biết, không phải để mà không biết, nhưng chính để tỏ ra là mình đã biết vậy. Tuyên bố như thế, phải chăng ông Mac Namara đã bình luận đến nền hành chánh của Việt-Nam, và sự bình luận ấy là cả một sự xúc phạm đến chính quyền cách-mạng. Vì cách mạng là thay đổi, thay đổi không phải đến 3 lần, mà còn có thể đến 30 lần khi nhận thấy rằng cần thay đổi nữa ! Và cũng không phải vì thay đổi vậy mà mất

# TÀ THUẬT



tiềm lực chiến đấu, mà chính giữ lại, ôm ấp, che chở tất cả những kẻ có tội, những kẻ phản bội, những kẻ mà không ai còn xem ra gì nữa, mới thật là giết từ trong trứng tiềm lực chiến đấu chống cộng của nhân dân Việt-Nam ! Cuộc chiến tranh ở Việt-Nam quả thật là đa diện, nhưng đứng về phương diện nào thì chính diện vẫn là DÂN — Cộng Sản tạo ra một chiến thuật đa diện là để tranh thủ dân, chiếm đoạt dân. Ở mỗi địa phương, Cộng-Sản có một chính sách tranh dân và do đó áp dụng một chiến thuật khác biệt như ông Mac Namara đã thầy là có 41 cuộc chiến tranh ở Việt-Nam tương với 41 địa phương rõ rệt. Vậy thì phải kịp thời mà đối phó, mà tranh dân. Và tranh dân

**BÓNG TỐI CỦA ÁNH SÁNG** không có nghĩa chỉ là tuyên bố chống lại dân, mà chính đem lại cho dân lòng tin nơi chính-phủ, lòng tin nơi nước bạn viện trợ, chứ không phải tiêu diệt lòng tin ấy bằng những lời tuyên bố «lộ hành»!

\* \* \*

### 3. — PHẬT GIÁO LÀ CỘNG SẢN ?

Chống Cộng là tranh dân ! đây là một chính sách mà Hoa-kỳ đã đồng ý từ cái thời ông Ngô đình Diệm. Cái gọi là quốc sách Ấp-chiến-lược tức thay chỉ là một cái cướp dân, đày dân ! Và vụ Phật-giáo lại là một vụ sát dân, diệt đạo ! Người Hoa-kỳ hãy đọc lại lịch-sử Việt Nam — Dân tộc Việt-Nam có từ khi Hoa-kỳ chưa lập quốc, nghĩa là trên cương vị dân tộc, Việt-Nam đã trường thành trước Hoa-kỳ. Và Việt-Nam có một tôn giáo đã từng là quốc giáo từ thế kỷ XI, XII và XIII : đó là Phật giáo. Vì thế mà 80% dân Việt-Nam là Phật giáo; dù gia nhập giáo hội hay không, dù gia nhập đoàn thể Phật-tử hay không, người dân Việt-Nam nếu không ở vào một tôn giáo nào khác thì mặc nhiên là có tâm hồn và phong độ Phật giáo. Phật giáo là một truyền thống của dân tộc : lịch sử và văn học Việt-Nam đã chứng minh quá hùng hồn điều đó. Viện trợ cho nhân dân Việt-nam chống Cộng, Hoa-kỳ từ trước đã không lưu tâm đến yếu tố đó, và xem thường lực lượng Phật-giáo như « cái chằng ra gi », và tin một cách ngây thơ vào lời xuyên tạc của chính-phủ Diệm là Phật-giáo thiếu tinh thần chống Cộng ! Thế thì vụ Tây Tạng có chứng tỏ cho người Hoa-kỳ sáng mắt ra là Phật giáo thiếu tinh thần chống cộng hay không ? Và nếu 80% dân chúng Việt-Nam thiếu tinh thần chống Cộng thì thứ hỏi Hoa-kỳ viện trợ cho ai ? Và Hoa Kỳ tranh dân với ai ? Chính phủ Việt-nam tranh dân với ai ? Cho nên vấn đề bị sai lạc từ căn bản. Cho đến ngày cuộc đấu tranh của Phật giáo bùng nổ, thì Hoa-kỳ bắt đầu thức tỉnh. Nhưng Hoa-kỳ không thức tỉnh để giúp nhân dân Việt-Nam, Hoa kỳ không giúp Phật-giáo đó Việt-nam đứng lên lật đổ Chính-phủ Diệm để tạo nên một uy thế cho sự chống cộng của Hoa-kỳ và Việt Nam sau này, mà trái lại, chỉ nhìn phong trào Phật-giáo như một áp lực để Hoa-kỳ lợi dụng mà làm « sáng ta » với ông Diệm mà thôi ! Và khi ông Diệm không nhượng bộ dưới áp lực đó, thì Hoa-kỳ thả rơi cuộc đấu tranh của Phật-giáo mặc dù nhân dân Hoa-kỳ đã cực lực phản kháng hành vi bạo ngược của chính phủ Diệm — Các tôn giáo ở Hoa-kỳ, các công chức Hoa-kỳ, các sinh viên Hoa-kỳ đã lên tiếng ủng hộ Phật-giáo Việt-Nam ; chỉ có những viên chức Mỹ là làm ngơ trước sự tranh đấu đó, và ông Nolting, vị đại diện của Hoa-kỳ tại Việt-nam lại còn xảo ngôn tuyên bố là không có kỳ thị tôn giáo ở Việt-Nam ! Như thế, ngay từ khi cuộc đấu tranh của Phật-giáo khởi đầu, Hoa-kỳ đã không ủng hộ ! Không ủng hộ mà còn gián tiếp giúp đỡ ông Diệm đàn áp Phật-giáo bằng những lời tuyên bố kiểu Nolting ! Vẫn biết ông Nolting có một sứ mệnh ủng hộ ông Diệm đến cùng, nhưng cái cùng của thế giới này không bao giờ có thể là tuyệt đối ! Con người còn có lương tâm và lương tri, chứ không thể là những con người máy ! Hay vẫn mình Hoa-kỳ chỉ tạo ra những con người máy thuần vật chất và chỉ biết nói một chiều như Cộng-Sản mà thôi ?

Nếu vậy thì cái chính sách một chiều của Hoa-kỳ thật đã tương phùng hội ngộ với chính sách một chiều của ông Diệm. Cho nên qua bao nhiêu biến cố mà vẫn phải trung thành. Và trung thành với ông Diệm tất là phản bội nhân dân Việt-nam, trung thành với một người để phản bội mười một triệu tín đồ Phật-giáo ? Cho đến khi phái đoàn Liên hiệp quốc sang điều tra vụ vi phạm nhân quyền tại Việt-Nam sau các vụ đánh phá chùa chiền, giết hại, bắt bớ tăng ni và Phật-tử, người ta thầy Hoa-kỳ đã vô cùng lúng túng trước dư luận của thế-giới, và nhất là trước dư luận các nước Á-Phi. Do đây mà trong khi phái đoàn Liên hiệp quốc chưa kịp trở về thì Đô Đốc H.Felt đã đến Saigon và sau đó cuộc chính biến 1-11-1963 bùng nổ. Người Hoa-kỳ quả thật muốn cứu vãn tình thế, muốn « CHO » nhân dân Việt-Nam đạt đến thành quả cách-mạng và để cho quân đội Việt-Nam ra tay. Sau chính biến 1-11-1963, người Hoa-kỳ có trách nhiệm ở Việt-Nam tất đã ý thức được sự hân hoan của dân chúng Việt-Nam trước sự sụp đổ của chính thể độc tài Ngô đình Diệm. Cuộc đấu tranh của Phật giáo chỉ là những bước mở đầu của những Phật-tử có đủ Bi, Trí, Dũng. Và sau giai đoạn mở đầu đó, dân chúng đã nô nức đứng lên, và quân đội Việt-Nam đã hoàn thành cuộc đấu tranh bằng cách triệt hạ chính-phủ Ngô-đình-Diệm. Đi xa hơn, quân đội đã không ngần ngại ra tay, và cái chết của hai ông Diệm và Nhu là hậu quả đương nhiên của chính sách tàn ác của họ. Giết ông Diệm và ông Nhu vì thế không phải là trả thù hay giết hại những người khác đạo, mà chính là giết những kẻ phản quốc, phản dân hại nước, những kẻ đã xô dân tộc Việt-Nam vào một vực thẳm của cảnh kỳ thị tôn giáo có tính cách hư huyệt tương tàn. Chế độ cũ do đây bị sụp đổ và các người có trách nhiệm với lịch-sử dân tộc lần lượt bị ra trước Tòa-Án Cách-mạng để đền tội cho quốc gia. Như thế thì Phật giáo không bao giờ lật đổ Ông Diệm cả : nhân dân Việt-Nam, quân đội Việt-Nam trong ấy có Phật tử đã lật đổ chế độ ông Diệm. Thế mà vừa rồi, một phát ngôn nhân của Bộ ngoại giao Hoa-kỳ lại đưa ra một lời tuyên bố trắng trợn, vừa có tính cách nhục mạ Phật-giáo Việt-nam, vừa có tính cách khinh miệt công trình cách mạng của nhân dân Việt-Nam.

Lời tuyên-bô ấy đã được hàng thông tấn Hoa-kỳ AP truyền đi và được đăng vào trong tờ báo của Quân đội Mỹ Stars And Stripes số 135 ngày 15-5-1964 như sau :

*« Một phát ngôn nhân chính thức của Bộ ngoại giao Hoa kỳ tuyên bố rằng không có cuộc tàn sát tôn giáo ở Việt-Nam Cộng Hòa dưới thời Diệm, và sự tin tưởng rộng lớn ở điều đó chính là do công tác dân vận tài giỏi của các Phật tử. »*

*« Ông Richard I Phillips, Giám-đốc Sở Thông tin của Bộ ngoại giao Hoa kỳ nói rằng chiến dịch của Phật giáo đã dẫn đến vụ lật đổ chính phủ Diệm. Ông nói thêm rằng các Phật tử được sự ủng hộ của Trung Cộng, Tích lan và Diên Điện !... »*

Tại sao một phát ngôn nhân của Chính-phủ Hoa-kỳ lại tuyên bố ngược lại với sự thật ? Các Phật-tử có làm công tác dân vận hay không ? có cuộc kỳ thị tôn giáo ở Việt-Nam dưới thời ông Diệm hay không ? Điều đó cả Thế-giới ĐÃ trả lời cho chính-phủ Hoa-kỳ. Điều đó cả báo chí Hoa-kỳ hiện diện tại Việt-Nam trong suốt thời gian từ tháng 5-1963 đến tháng 11-1963 đều trả lời cho chính-phủ Hoa-kỳ. Điều đó chính nhân dân Hoa-kỳ cũng đã trả lời cho chính-phủ Hoa-kỳ ! Quá khứ còn đó và bản phúc trình của Liên Hiệp Quốc còn đó, sao chính-phủ Hoa-kỳ lại chú trọng một chính-sách thóc mạ sự thật, và thóc mạ sự thật là vu cáo cho Phật-giáo, là vu cáo cho nhân dân Việt-Nam ! Có thể nào chỉ vì muốn bênh vực chính phủ mình trước quốc dân trong cuộc tuyên cứ sắp đến đây mà Tổng-Thống Johnson lại để cho một nhân viên chính-phủ đứng ra bênh vực ông Diệm ? Vì ông Diệm được Hoa-kỳ ủng-hộ và đưa lên cầm quyền, bây giờ chính-phủ Hoa-kỳ phải ủng hộ ngay cả ông Diệm khi ông đã chết... để giữ thanh danh với nhân dân Hoa-kỳ là không bao giờ có chuyện độc tài hay kỳ thị tôn giáo dưới chế độ ông Diệm, vì ông Diệm là người của Hoa-kỳ ? Có lẽ nào chỉ vì một thủ đoạn tuyên cứ, mà phải bôi nhọ sự thật ? Và cho các Phật-tử một vai trò chính trị trong cuộc lật đổ chế độ cũ đã đến ngày thối nát. Đương nhiên tất cả mọi công dân Việt-nam đều chống đối Chính-phủ Diệm. Và trong công dân Việt-Nam đó, có các Phật tử, trong công dân Việt-nam đó có cả quân đội Việt-nam—Thì vì duyên cớ gì mà ông Richard Phillips lại chụp mũ cho các tín đồ của Phật-giáo được sự ủng hộ của Trung Cộng, Tích-Lan và Diên-Điện ? Tích Lan và Diên-Điện là những nước theo Phật-giáo, đương nhiên là vì tình liên đới Đức Tin, các quốc gia ấy đều ủng hộ Phật-giáo Việt-Nam, nhất là Phật-giáo lại là quốc giáo ở các nước đó. Còn Trung-Cộng ? Ông Phillips vin vào bằng cớ

(xem tiếp theo trang 16)

# NHẬT KÝ LẬP TRƯỜNG

TÂM HOÀI TÂM

THỨ SÁU 15-5-1964

Sắc luật số 158/SL-CT ra đời. Dự số 10 ngày 6-8-1950 kể từ đây không còn áp dụng đối với Giáo Hội Phật-Giáo Việt-Nam Thông Nhất. Đồng thời Sắc Luật Công Nhận Giáo-Hội Phật-Giáo Việt-Nam và bản Hiến Chương ngày 4-1-1964 của Giáo-Hội. Bước đầu của Chính-quyền Cách-Mạng để đem lại Bình Đẳng Tôn-Giáo và Tự-Do Tín-Ngưỡng trên toàn cõi Việt-Nam. Một thành quả Đẹp của toàn thể Phật Giáo đồ trong mùa Trăng Đản Sinh sắp đến. Nhưng cũng chỉ một thành quả hợp lý đã được ghi trong năm nguyện vọng của cuộc đấu tranh. Một chiếc gai nhọn nhất đã được bứng đi. Dự số 10 ngã gục. Tất nhiên phải kéo theo tất cả tàn tích vị kỷ của mười bốn năm qua. Nhưng một sắc luật vẫn là một sắc luật. Điều quan trọng chính là sự thi hành. Như Phật giáo đồ chỉ đòi thực thi «Bản Thông Cáo Chung» trong mùa đầu tranh năm ngoái. Quá khứ hẹp hòi đến nỗi không dám thực thi một chuyện ký kết chung. Tương lai rộng mở có thể hiện đúng đắn được chăng tất cả những điều khoản tối thiểu và hợp lý của một Sắc luật? Và còn tinh thần của Sắc-luật nữa. Liệu kẻ thừa hành có ý thức về tầm quan trọng của ngôn từ đã được đúc thành điều, thành luật?

THỨ BẢY 16-5-1964

Các Nhật báo ở Thủ Đô và đặc biệt là tờ H.Đ. khai thác đến triệt để những lời tuyên bố của một vài nhân vật có trách nhiệm trong Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam. Báo chí chỉ gây thêm phẫn nộ trong quần chúng đối với báo chí. Tại sao lại đi khai thác những vấn đề của một tôn giáo? Chạy những hàng «tít» lớn, với mục đích gì? Tranh thương u? Chắc là chưa đủ. Chắc phải có bàn tay lạ nào đó. Người Việt-Nam ít có dã tâm và gian ý. Tà tâm và thù đoạn chính trị luôn là những món hàng nhập cảng. của Thực dân Báo chí Thủ Đô! hãy nhìn vào chính quyền cách mạng! hãy lưu tâm đến cuộc chiến tranh đang làm đất Mẹ róm máu hằng ngày! hãy nghe những lời tuyên bố của các chính khách ngoại quốc có liên quan đến vận mệnh quốc gia! và hãy nhìn vào công cuộc viện trợ của các nước bạn! Lấy quyền tự do ngôn luận mà bình luận đi cho dân chúng được nhờ! Khai thác chỉ những vết thương tôn giáo! Đau đớn lắm mà! Đừng làm cho nhân dân nghĩ rằng báo chí

tiếp tay với kẻ thù để chia rẽ quốc dân và tôn giáo. Nhất là khi người dân đang quan niệm báo chí là tiếng nói của toàn dân!

CHỦ NHẬT 17-5-1964.

Thông điệp của Đức Tăng Thông Giáo Hội Phật Giáo Việt-Nam. Nhân ngày Đại Lễ Phật Đản Sanh 2508 sắp đến: «Phật Đản năm nay gợi lại tất cả hình ảnh của Phật Đản năm ngoái và cuộc vận động của Phật Giáo Việt-Nam tiếp theo sau đó. Tôi thành kính cảm ơn tất cả mọi sự ủng hộ chúng tôi xuất phát từ trong nước và ngoài nước. Từ quảng đại quần chúng cho đến những người trí thức thiện hữu, trong đó đặc biệt có các Tôn giáo khác».

Đức Tăng Thông còn nhấn mạnh rằng: «Phật-giáo đồ Việt-Nam đã hy sinh để bảo vệ chánh pháp, để vận động tự do tín ngưỡng và tôn giáo bình đẳng, nhưng người và việc đòi-lập với nguyện vọng đó vẫn còn dày đặc».

Cuối cùng, Đức Tăng Thông qui định rằng: «...Phật giáo đồ Việt-Nam biết tán thành những chính sách tốt và biết chống đối những chính sách xấu, làm cho Phật-giáo tồn tại trong cương vị Tôn giáo và làm cho Dân Tộc an lạc trong cương vị Hòa Bình».

Những lời suy tư chân thành căn bản trên hiện tình của đất nước. Một Thông điệp bao hàm Ý Đạo và Việc Đời. Để cho những ai có trách nhiệm về quốc gia suy nghĩ.

THỨ HAI 18-5-1964.

Đại Sứ H. Cabot Lodge tuyên bố với báo Time ngày 15-5-1964. Ông Mac Namara nói về 41 Tỉnh Trưởng Việt-Nam và 41 cuộc chiến tranh. Phát ngôn nhân chánh thức của Bộ Ngoại giao Hoa kỳ cải chính tin chính phủ Ngô đình Diệm đàn áp Phật giáo đồ ở Việt-Nam. Ba tin đồn dập: ông Diệm có thể làm Quốc Trưởng Việt-Nam sau chính-biên 1-11-1963. Vì ông Lodge muốn cử ông Diệm làm thêm chức vụ đó. Ông Mac Namara lưu tâm về sự thay đổi các Tỉnh Trưởng. Và ông Richard I. Phillips tuyên bố về Phật giáo ở Việt-Nam. Ông này nói rằng không khi nào có kỳ thi tôn giáo cả. Và cho đây là công tác dân vận của các Phật tử. Như thế nghĩa là thế nào?

THỨ BA 19-5-1964.

Mồng Tám Tháng Tư Năm Giáp Thìn. Ngày khởi đầu của tuần lễ trọng đại. Đại lễ Đản Sanh được

cử hành trong Hội Hoa Đẳng. Ánh đèn giải thoát. Con đường đi của Chân Lý Ánh Sáng. Đọc lên một đoạn «Trường ca ngày Phật Đản» của Vũ Hoàng Chương:

«Cây núi Ngự kết ngôi vàng PHẬT ngự  
«Nước sông Hương mùi ĐẠO ngát hương đưa  
«Một lời chuông gọi  
«Muôn ngàn tiếng thưa  
«Nắng TRƯỜNG SƠN đồng vọng  
«Hối thanh BẾN HẢI mưa.  
«Từ khắp chôn, vượt đầu sóng lửa bóng  
«Về nơi đây... mừng túi mây cho vừa!  
«Cầu BẠCH HỒ nhịp vang gió sóng  
«Chợ ĐÔNG BA đắm vị muối dưa  
«Vút cánh dơi bay, này quá khứ âm thừa».  
(Hải-Triều Âm — Sở ký niệm Phật-Đản)

Và nhìn lên MÀU CỜ PHẬT GIÁO.

THỨ TƯ 20-5-1964.

Cuộc điện Ai-lao: một cơ nguy cho vùng Đông-Nam Á. Trung Cộng, Pathet Lào có Cộng-sản Bắc-Việt hợp lực đã tấn công toàn diện. Nhiều căn cứ thất thủ hoặc bị bao vây. Tướng Khong Le vẫn trên đường chạy trốn. Chưa nghe được một hồi chuông nào cảnh tỉnh chiến sự ở Ai-lao. Chỉ nghe những tiếng kêu gọi Hòa Bình. Vang lên đã mấy năm rồi trong sa mạc tham vọng của Đệ Quốc Đò. Người Pháp lại muốn mở Hội nghị Quốc Tế về Ai-lao! Lại người Pháp! Sao các quốc gia có trách nhiệm trực tiếp về Ai-lao lại im lặng nhiều đến thế. Một sự im lặng quá nặng nề. Chỉ đem lại cái lợi tâm lý cho Cộng sản. Để Cộng sản tấn công thêm mãi mãi!

THỨ NĂM 21-5-1964.

Vấn đề biên giới Việt-Miên ra trước Hội Đồng Bảo An Liên Hiệp Quốc. Bộ Ngoại giao Việt-Nam long trọng tuyên bố bác bỏ mọi quyết nghị của Liên Hiệp Quốc nếu Việt-Nam không được trình bày quan điểm của mình! Đại biểu Nga phản đối việc mời một đại biểu Việt-Nam. Nhưng với 9 phiếu thuận và 2 phiếu chống, Hội Đồng quyết định mời Việt-Nam tham dự. Không thể nói về Việt-Nam mà vắng mặt Việt Nam. Hội Đồng Bảo An đã làm một việc hợp lý. Và hôm nay chắc Đại Biểu Việt Nam đã lên đường đi Liên Hiệp Quốc. Để bênh vực cho quan điểm Việt-Nam. Và nhất là đòi Cam-bốt phục hồi danh dự cho hai chiến sĩ Việt Nam tử trận. Nếu không... thì nhất định phải có vấn đề Việt-Nam—Cam-bốt. Và phải giải quyết tay đôi.

## XẢO NGÔN VÀ TÀ THUẬT

(tiếp theo trang 15)

nào để đưa đến một lời tuyên bố mang nặng một âm mưu chính-trị như vậy? Trung Cộng là cái gì mà ủng hộ Phật-giáo? Trên lãnh thổ Trung-hoa, Trung-Cộng đã ủng hộ Phật-giáo hay chưa, hay vụ thăm sát Tây Tạng đã chứng tỏ là Trung-Cộng chống lại Phật-Giáo và tàn sát Phật-giáo? Nếu nói Trung Cộng ủng hộ Phật giáo thì thật là ông R. Phillips đã nhục mạ Phật-giáo Việt-Nam, và không hiểu một chút gì về chính sách đàn áp tôn giáo của Trung Cộng cả! Có lẽ nào mà chính-phủ Hoa-kỳ lại không biết Trung-Cộng đàn áp Phật giáo, và Đức Đạt Lai Lạt Ma đang lưu vong ở Ấn-Độ? Đem một nước Cộng Sản đã từng đàn áp Phật-giáo để nói rằng nước ấy ủng hộ Phật-giáo ở Việt-Nam, ông Phillips quả đã không biết một chút gì về lịch sử thế giới hiện đại cả! Đương nhiên là lời tuyên bố vì vậy có một ẩn ý, ẩn ý vu cáo cho Phật-giáo Việt-nam thiên Cộng hay là thiên Trung-lập! Lời vu cáo ấy đã làm cho các Phật-tử Việt-Nam vô cùng phẫn nộ, và tòa Đại-sứ Hoa-kỳ ở Sài-gòn đã cải chính một cách yếu ớt! Tòa Đại-sứ theo tin chính-thức của Bộ Ngoại-giao đã nói rằng có một vài vùng có sự đàn áp tôn giáo? Một vài vùng? Thế công điện triệt hạ cờ Phật giáo chỉ áp dụng cho một vài vùng thôi ư?

Cuộc đấu tranh để thực hiện 5 nguyện vọng cũng chỉ ở một vài vùng? Lệnh giới nghiêm ban ra ngày 20-8 với mục đích đánh phá chùa chiền, cũng chỉ ở một vài vùng? Thật là xảo ngôn! Thật là tà thuật!

\*\*

Tất cả những nhận định trên không có mục đích công kích Hoa kỳ, nhất là chính phủ Hoa kỳ đang tận lực viện trợ vô điều kiện và vô thời hạn cho Việt nam chống Cộng. Những nhận định ấy nhằm cái thiện những sơ hở đã xảy ra trong cuộc bang giao vô cùng thâm thiết giữa hai dân tộc trong giai đoạn quyết liệt hiện tại để chống Cộng và thắng Cộng. Hoa kỳ viện trợ cho Việt nam. Việt nam chỉ có thể thực hiện và nâng cao tiềm lực chống Cộng nhờ viện trợ đó. Nhưng vấn đề vì thế không có nghĩa là Hoa kỳ muốn làm sao thì làm, muốn nói gì thì nói. Việt nam đòi hỏi một sự hợp tác chân thành và mật thiết, nhưng là một sự hợp tác bình đẳng dựa trên tinh thần hổ trợ và tôn trọng chủ quyền trong vòng danh dự. Có thể công cuộc viện trợ của Hoa kỳ ở Việt nam mới đạt đến kết quả tốt, và trong công cuộc tranh Dân để thắng Cộng, mọi chính phủ Việt nam mới có thể được dân ủng hộ và dân tin.

LẬP TRƯỜNG

GIÁ: 1) Quảng-trị, Thừa-thiên, Đà-nẵng, Quảng-nam, Quảng-tín: Quảng-ngãi 6 đồng  
2) Các nơi khác vì cước phí Hàng không: 7 đồng

Nhà Sách KHAI TRI  
23, Lê-Lợi, SAIGON

